

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0800282385 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 15/08/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 09/05/2019)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số:.....6.1...../GCN-UBCKdo Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2.1.tháng..08...năm 2019)

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

Địa chỉ trụ sở chính: Số 37,38 Phố Dã Tượng, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0320.3891898 Fax: 0320.3891898

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ trụ sở chính: 52 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội.

Điện thoại: 024 3773 7070 / 6271 7171 Fax: 024 3773 9058

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy

Chức vụ: Phó tổng giám đốc

Điện thoại: 0320.3891898

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 1369

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0800282385 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 15/08/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 09/05/2019)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

| | |
|--|---|
| Tên cổ phiếu | Cổ phiếu Công Ty Cổ Phần Xây dựng 1369 |
| Mệnh giá | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| Giá bán | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| Tổng số lượng chào bán | 5.000.000 cổ phiếu |
| Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá) | 50.000.000.000 đồng |

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 52 Lạc Long Quân, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0243773 7070 / 6271 7171 Fax: 024 3773 9058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh

Tầng 3. Tòa nhà Ben Thanh Times Square.136-138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;

Điện thoại: 08. 6 290 8686

Fax: 08. 6 291 0607

Chi nhánh tại Tp Đà Nẵng

100 Quang Trung. Phường Thạch Thang. Quận Hải Châu. TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 3553 666

Fax: 0511. 3553 888

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA

Địa điểm: Tầng 9, tòa nhà HL, ngõ 82 Phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 0243 7557 446

Fax: 0243 7557 448

MỤC LỤC

| | |
|---|-----|
| I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO..... | 6 |
| 1. Rủi ro kinh tế..... | 6 |
| 2. Rủi ro pháp luật..... | 6 |
| 3. Rủi ro đặc thù..... | 7 |
| 4. Rủi ro của đợt chào bán..... | 7 |
| 5. Rủi ro pha loãng..... | 8 |
| 6. Rủi ro quản trị công ty..... | 10 |
| 7. Rủi ro khác..... | 10 |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH..... | 10 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT..... | 11 |
| IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH..... | 12 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển..... | 124 |
| 2. Cơ cấu bộ máy quản lý..... | 135 |
| 3. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ. Danh sách cổ đông sáng lập. Cơ cấu cổ đông.. | 148 |
| 4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành. những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối. những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành..... | 21 |
| 5. Quá trình tăng vốn..... | 22 |
| 6. Hoạt động kinh doanh..... | 23 |
| 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất..... | 39 |
| 8. Vị thế của Công ty trong ngành..... | 41 |
| 9. Chính sách đối với người lao động..... | 433 |
| 10. Chính sách cổ tức..... | 45 |
| 11. Tình hình tài chính..... | 465 |
| 12. Hội đồng quản trị. Ban tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát. Kế toán trưởng..... | 52 |
| 13. Tài sản..... | 52 |

| | |
|---|----|
| 14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo..... | 73 |
| 15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức..... | 74 |
| 16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu và giao dịch trên thị trường có tổ chức..... | 69 |
| 17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành | 75 |
| 18. Thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty..... | 75 |
| V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN | 76 |
| VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN..... | 81 |
| VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN | 82 |
| VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN..... | 90 |

DANH MỤC BẢNG BIỂU

| | |
|--|-----------|
| Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty ngày 31/05/2018 .. | 19 |
| Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập | 20 |
| Bảng 3: Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/05/2018..... | 21 |
| Bảng 4: Quá trình tăng vốn..... | 22 |
| Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty qua các giai đoạn | 32 |
| Bảng 6: Cơ cấu chi phí sản xuất | 32 |
| Bảng 7: Lợi nhuận gộp qua các giai đoạn | 33 |
| Bảng 8: Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết | 37 |
| Bảng 9: Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD..... | 39 |
| Bảng 10: Cơ cấu lao động tại ngày 30/09/2018..... | 44 |
| Bảng 11: Vốn điều lệ qua các năm | 46 |
| Bảng 12: Tình hình vốn kinh doanh qua các năm | 47 |
| Bảng 13: Tình hình tài sản Công ty từ 2016 – 30/09/2018 | 47 |
| Bảng 14: Các khoản phải nộp theo luật định | 49 |
| Bảng 16: Vay và nợ ngắn hạn..... | 50 |
| Bảng 17: Các khoản nợ phải thu..... | 50 |
| Bảng 18: Các khoản nợ phải trả..... | 51 |
| Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 51 |
| Bảng 20: Danh sách giá trị tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2017 | 73 |
| Bảng 21: Kế hoạch Doanh thu và Lợi nhuận năm 2018..... | 73 |

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

GDP năm 2018 tăng 7,08% so với năm 2017, mức cao nhất trong suốt một thập kỷ qua. Đóng góp cho sự đảo chiều này là lĩnh vực công nghiệp và xây dựng với mức tăng trưởng 8,85%. Các ngành như nông, lâm nghiệp, thủy sản và dịch vụ cũng đạt mức tăng tuy nhiên không ấn tượng bằng các ngành trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng. Trong công nghiệp và xây dựng, đáng chú ý nhất là sự cải thiện của ngành xây dựng với mức tăng trưởng cao nhất kể từ đầu năm là 9,16%. Sự cải thiện của ngành xây dựng có thể xuất phát từ sự cải thiện trong giải ngân vốn đầu tư toàn xã hội, đặc biệt là giải ngân đầu tư công.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và sản xuất, kinh doanh đá xuất khẩu nên triển vọng phát triển của ngành xây dựng sẽ ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của công ty trong tương lai. Tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng có sự tương quan cao với tình hình thị trường bất động sản (BDS). Giai đoạn 2008 - 2012, sự sụt giảm của ngành BDS đã tác động mạnh đến ngành xây dựng. Đến năm 2013, ngành xây dựng đã có những dấu hiệu hồi phục với tốc độ vừa phải nhờ những hỗ trợ từ lãi suất, các gói tín dụng cho thị trường BDS và dòng vốn FDI tăng mạnh. Năm 2014 được xem là năm khởi đầu chu kỳ tăng trưởng mới đối với ngành xây dựng. Năm 2015, giá trị sản xuất xây dựng đạt 777,5 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm 2014. Sang đến năm 2016, giá trị xây dựng đã đạt 1,08 triệu tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm 2015. Ba nguyên nhân chính giải thích cho sự tăng trưởng của ngành xây dựng là: (1) sự tập trung đầu tư hạ tầng của Chính phủ; (2) BDS phục hồi; (3) dòng vốn FDI tiếp tục tăng ở mức tích cực.

Rủi ro về tỷ giá:

Mặc dù có những biến động nhất định vào từng thời điểm nhưng nhìn chung 2016 được ghi nhận là một năm khá ổn định của tỷ giá và thị trường ngoại hối. tuy nhiên, kinh tế thế giới đang có những biến chuyển gây rủi ro trực tiếp cho thị trường Việt Nam. Trong khoảng 9 tháng đầu năm, tỷ giá bán ra tại nhiều ngân hàng thương mại ít biến động và phổ biến vào khoảng 22.665/22.735 - 22.750/22.820 VND/USD, tương đương mức tăng 0,37% theo năm. Tỷ giá USD/VND tăng trong bối cảnh giá trị đồng USD không tăng khiến VND mất giá đáng kể so với các ngoại tệ khác. Tính từ đầu năm, so với VND tỷ giá JPY đã tăng 6,33%, CNY tăng 3,81%, EUR tăng 3,02%, GBP tăng 4,08%./.

2. Rủi ro pháp luật

Là Công ty hoạt động trong ngành xây dựng và khai thác, kinh doanh khoáng sản nên Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như: định hướng phát triển ngành xây dựng, chính sách thuế đối với hàng xuất khẩu; các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với các ngành kinh doanh khoáng sản. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Ngoài những rủi ro trên, hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng 1369 còn phải đối mặt với các rủi ro đặc thù trong ngành xây dựng như rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về cạnh tranh, rủi ro về nguồn nguyên liệu...

➤ Rủi ro về nguồn nhân lực

Tình trạng khan hiếm lao động, cũng như chất lượng lao động đang là nỗi lo cho các doanh nghiệp trong ngành xây dựng. Hầu hết lao động của công ty là những lao động phổ thông nên hàng năm tai nạn nghề nghiệp trong lĩnh vực xây dựng chiếm tỷ trọng rất lớn cũng như năng suất lao động chưa cao.

Để đảm bảo quá trình sản xuất diễn ra liên tục, không bị gián đoạn do việc thiếu nhân công, ban lãnh đạo Công ty đã áp dụng cơ chế lương hợp lý cùng với những đãi ngộ, chăm lo cho đời sống công nhân viên, tạo cho người lao động một môi trường làm việc chuyên nghiệp với mức thu nhập khá. Do đó, Công ty cổ phần Xây dựng 1369 luôn có một đội ngũ lao động dồi dào và sẵn sàng gắn bó lâu dài với lợi ích của Công ty.

➤ Rủi ro cạnh tranh

Trong tình hình nền kinh tế Việt Nam đang phục hồi, số lượng dự án tại Hải Dương nói riêng và Việt Nam nói chung tăng không đáng kể. Công ty xây dựng lớn không còn kén chọn khách hàng, công ty xây dựng nhỏ và vừa tiếp tục tăng về số lượng. Công trình xây dựng đòi hỏi chất lượng và tiến độ ngày càng cao, số lượng nhà thầu tham gia vào đấu thầu các công trình ngày càng lớn dẫn đến cạnh tranh trong ngành ngày càng khốc liệt.

Cạnh tranh trong ngành, vừa là thách thức cũng là cơ hội cho các Công ty xây dựng. Thị trường sẽ tiếp tục sàng lọc những nhà thầu yếu kém không đủ năng lực thi công. Năm bắt tính hình trên, các Công ty xây dựng nhận định phải đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của chủ đầu tư.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Xu hướng tăng trưởng ổn định của thị trường chưa được khẳng định chắc chắn trong khi hoạt động của các doanh nghiệp nói chung vẫn còn gặp nhiều khó khăn và điều kiện kinh tế vĩ mô vẫn cần cải thiện thêm. Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty cũng sẽ phụ thuộc vào diễn biến

tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức chào bán, các yếu tố vĩ mô, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như sự hấp dẫn của cổ phần Công ty. Thực tế là từ đầu năm 2019 tới nay, giá trị thị trường của C69 dao động tại mức giá 5.000 - 7.500 đồng/cổ phiếu. Nếu diễn biến như vậy tiếp tục diễn ra thì với giá chào bán 10.000/cổ phiếu cao hơn thị giá sẽ khiến cho tâm lý các cổ đông dè dặt khi thực hiện quyền mua.

Công ty cũng dự xác định tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu là 70% do tính nhất trí cao của các cổ đông thông qua Phương án phát hành tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Tuy nhiên, vẫn có thể xảy ra rủi ro không bán hết số cổ phiếu dự định chào bán. Để hạn chế rủi ro này, trong trường hợp tỷ lệ chào bán thành công của đợt phát hành dưới 70%, Hội đồng quản trị công ty đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền thực hiện phân phối số cổ phiếu này cho các đối tượng khác mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông hiện hữu của Công ty. Trong trường hợp vẫn không bán hết số cổ phần dự định chào bán, Hội đồng quản trị sẽ chủ động tìm kiếm nguồn vốn từ các nguồn vay khác để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch đầu tư các dự án theo mục đích phát hành cổ phiếu.

4.2. Rủi ro của Dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Dự án dân cư thôn Cả Đông Côi, Thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh với tổng mức đầu tư trên 80 tỷ đồng, là một mức đầu tư rất lớn. Tuy nhiên, ban lãnh đạo của Công ty đã có kế hoạch chủ động tìm kiếm các nguồn vay khác nhau để đảm bảo dự án đúng tiến độ. Dự kiến số tiền thu được của đợt chào bán của Công ty sẽ được sử dụng vào giai đoạn sau của dự án. Và số tiền cần huy động là 30 tỷ đồng nhỏ hơn số tiền tối thiểu cần thu được từ đợt chào bán, vì vậy rủi ro của Dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán là rất nhỏ. Trong trường hợp không thu đủ tiền từ đợt chào bán; ban lãnh đạo sẽ sử dụng các nguồn vốn vay khác để tiếp tục thực hiện dự án

5. Rủi ro pha loãng

Theo phương án phát hành thì số cổ phần dự kiến phát hành là 5.000.000 cổ phần, sau khi hoàn tất đợt chào bán thì số cổ phần lưu hành trên thị trường của Công ty dự kiến sẽ là 15.000.000 cổ phần (dựa trên cơ sở giả sử Công ty phát hành 5.000.000 cổ phiếu riêng lẻ thành công). Việc tăng thêm số lượng cổ phiếu lưu hành sẽ ảnh hưởng đến chỉ số EPS (thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu), giá trị sổ sách, giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh, cụ thể như sau:

- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lãi chia cho cổ đông}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Cụ thể, EPS năm 2017 đang ở mức:

$$3.898.290.603 \text{ VNĐ}/5.000.000 \text{ cổ phiếu} = 780 \text{ VNĐ/cổ phiếu},$$

Giả sử việc phát hành thêm 5.000.000 cổ phiếu thành công vào cuối tháng 08/2018 dựa trên cơ sở phát hành riêng lẻ 5.000.000 cổ phần thành công vào cuối tháng 05/2018 và các chỉ tiêu tài chính khác không thay đổi thì EPS năm 2018 sẽ bị pha loãng còn $(3.898.290.603 \text{ VNĐ}) / [(5.000.000 \text{ cổ phiếu} \times 5 \text{ tháng} + 10.000.000 \text{ cổ phiếu} \times 3 \text{ tháng} + 15.000.000 \text{ cổ phiếu} \times 4 \text{ tháng}) / 12 \text{ tháng}] = 407 \text{ VNĐ/cổ phiếu}$

- Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần:

$$\text{Giá trị sổ sách mỗi cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu – Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ khác}}{\text{Số cổ phần đã lưu hành – Cổ phiếu quỹ}}$$

- Cụ thể, giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2017 đang ở mức:

$$54.068.070.634 \text{ VNĐ}/5.000.000 \text{ cổ phiếu} = 10.814 \text{ VNĐ/cổ phiếu}.$$

Giả sử với việc phát hành thêm 5.000.000 cổ phiếu thành công vào cuối tháng 08/2018 dựa trên cơ sở phát hành riêng lẻ 5.000.000 cổ phần thành công vào cuối tháng 05/2018 và các chỉ tiêu tài chính khác không thay đổi thì giá trị sổ sách cuối năm 2018 sẽ bị pha loãng còn $(54.068.070.634 \text{ VNĐ} + 5.000.000 \text{ cổ phiếu} \times 10.000 \text{ VNĐ/cổ phiếu} + 5.000.000 \text{ cổ phiếu} \times 10.000 \text{ VNĐ/cổ phiếu}) / (5.000.000 \text{ cổ phiếu} + 5.000.000 \text{ cổ phiếu} + 5.000.000 \text{ cổ phiếu}) = 10.271 \text{ VNĐ/cổ phiếu}$.

Ngoài ra, tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu, giá cổ phiếu của Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá thị trường (điều chỉnh)} = \frac{\text{PR}_{t-1} + (I \times \text{PR})}{1 + I}$$

Trong đó:

PR_{t-1} : là giá giao dịch cổ phiếu C69 tại phiên giao dịch liền trước phiên giao dịch không hưởng quyền.

I: là tỷ lệ tăng vốn

PR: là giá cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu

Cụ thể giả sử giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị điều chỉnh là 6.000 VNĐ/cổ phiếu (giả sử đây là giá đóng cửa trung bình cộng được làm tròn của cổ phiếu C69 trong tháng 08/2018) dựa

trên cơ sở đã phát hành 5.000.000 cổ phiếu riêng lẻ thành công thì sau khi phát hành giá thị trường của cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh còn $[6.000 \text{ VNĐ/cổ phiếu} + 0,5 \times 10.000 \text{ VNĐ/cổ phiếu}]/(1 + 0,5) = 7.333 \text{ VNĐ/cổ phiếu}$.

6. Rủi ro quản trị Công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông như rủi ro về quản lý tài sản và nguồn vốn, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về quy trình và hệ thống... Tuy nhiên, Công ty đã luôn chủ động giảm thiểu tối đa các rủi ro về quản trị công ty thông qua việc tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị công ty, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và kế toán,.. Trên thực tế, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được sự tăng trưởng ổn định, hoàn các chỉ tiêu đề ra và duy trì ổn định sản xuất kinh doanh.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa,... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

• TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

| | |
|--------------------|----------------------|
| Ông Lê Minh Tân | Chủ tịch HĐQT |
| Ông Lê Tuấn Nghĩa | Tổng Giám đốc |
| Bà Trần Thị Tuyết | Kế toán Trưởng |
| Bà Vũ Thị Hồng Vân | Trưởng Ban Kiểm soát |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

• TỔ CHỨC TƯ VẤN

Bà Nguyễn Thị Hạnh Giám đốc tư vấn tài chính doanh nghiệp
(Theo giấy ủy quyền số 141-2017/QĐ/FPTS –FHR ngày 18/12/2017)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xây dựng 1369. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

| | |
|-------------------------|---|
| UBCK | : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| Công ty | : Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 |
| ĐHĐCĐ | : Đại hội đồng cổ đông |
| HĐQT | : Hội đồng Quản trị |
| BKS | : Ban kiểm soát |
| BTGD | : Ban Tổng Giám đốc |
| CBCNV | : Cán bộ công nhân viên |
| Điều lệ Công ty | : Điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 |
| Tổ chức chào bán | : Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 |
| Đồng | : Việt Nam đồng |

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung về Công ty cổ phần Xây dựng 1369

Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Xây dựng 1369
Tên tiếng Anh : 1369 CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt : 1369 CO., JSC

Logo



Người đại diện pháp luật : Ông Lê Tuấn Nghĩa
Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Số 37,38 phố Dã Tượng, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0320.3891898

Fax : 0320.3891898

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động : Giấy chứng nhận ĐKKD số 0800282385 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 15/08/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 09/05/2019)

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh : - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế cấp thoát nước- môi trường nước trong quy hoạch xây dựng; thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp; khảo sát địa chất công trình; giám sát thi công xây dựng công trình giao thông; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: dân

dụng công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.

- Nhà thầu xây dựng.
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu khoáng sản.
- Bốc xúc, vận tải hàng hoá bằng đường bộ.
- Thương mại nguyên vật liệu xây dựng, buôn bán máy móc, thiết bị công nghiệp và phụ tùng máy khác...

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 (sau đây viết tắt là "Công ty"), tiền thân là Hợp tác xã Tân Sơn, chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0800282385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 15/8/2003, với vốn điều lệ ban đầu là 3.500.000.000 VNĐ; đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/03/2019 với vốn điều lệ hiện tại là 100.000.000.000 VNĐ. Thời gian đầu, hoạt động chính của công ty là mua bán các loại nguyên vật liệu xây dựng; Khai thác, xay nghiền và vận chuyển đá vôi; Xây dựng công trình. Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, đến nay Công ty trở thành một trong những đơn vị có uy tín tại Tỉnh Hải Dương và các tỉnh lân cận trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp (san lấp giải phóng mặt bằng, xây dựng nhà xưởng, xây dựng cơ sở hạ tầng), dịch vụ khai thác và vận chuyển đá vôi, kinh doanh nguyên vật liệu xây dựng, xuất khẩu đá.

Qua một thời gian hoạt động, với việc trúng thầu thi công nhiều công trình lớn nhỏ trên địa bàn và các tỉnh lân cận, dịch vụ khai thác đá đảm bảo công suất cho khách hàng, đá vôi xuất khẩu đáp ứng được yêu cầu của khách hàng cụ thể số lượng đá xuất khẩu tăng, ngày càng nhiều đối tác nước ngoài biết đến Công ty, Công ty đã có những bước đột phá trong các năm 2015, năm 2016 doanh thu, lợi nhuận sau thuế tăng mạnh. Cùng với chiến lược phát triển rõ ràng, Công ty đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư. Đến nay Công ty tăng quy mô vốn điều lệ 50 tỷ đồng đảm bảo đáp ứng nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

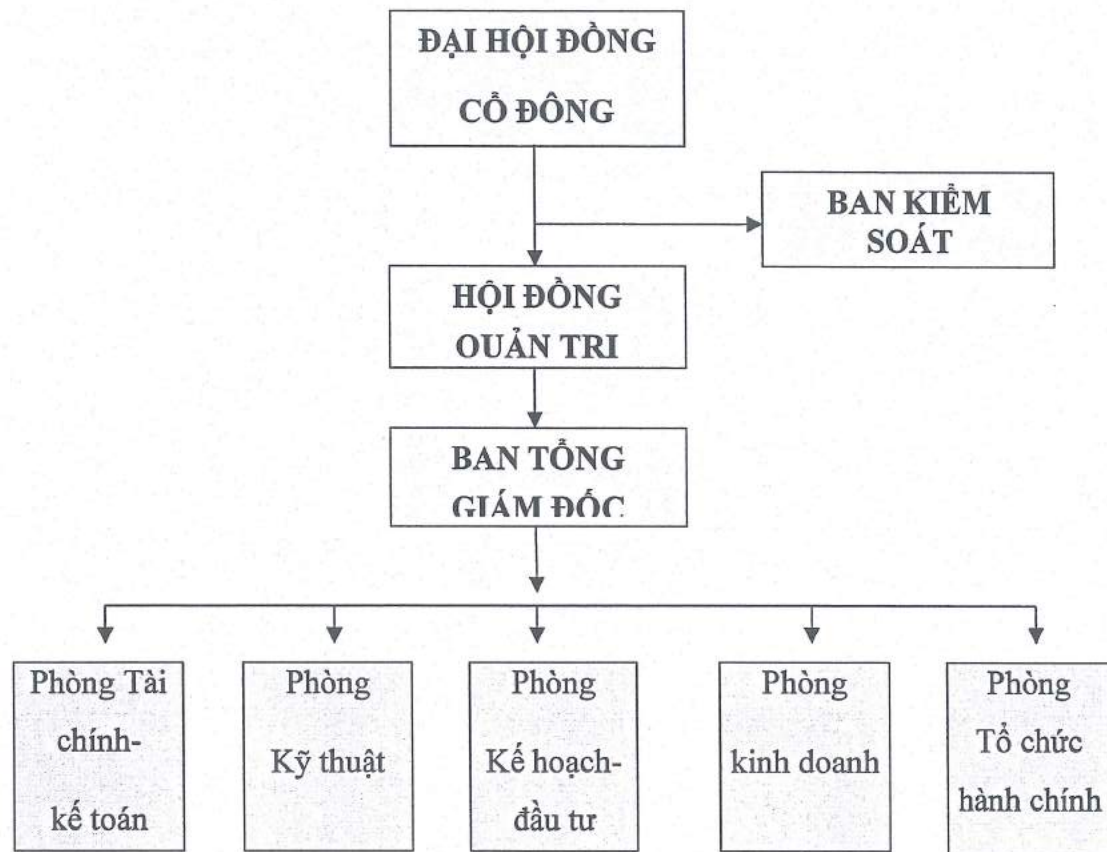
Ngày 19/09/2016, Ủy ban chứng khoán nhà nước đã chính thức chấp thuận Công ty cổ phần 1369 trở thành Công ty đại chúng.

Ngày 02/11/2016, Công ty đã được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán với số lượng chứng khoán đăng ký là 5.000.000 cổ phiếu.

Ngày 21/04/2017, Công ty chính thức niêm yết 5.000.000 cổ phiếu đang lưu hành lên Sàn giao dịch HNX.

Ngày 12/11/2018, Công ty đăng ký giao dịch bổ sung 5.000.000 cổ phiếu; nâng tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành trên sàn HNX là 10.000.000 cổ phiếu.

2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Xây dựng 1369



✚ Diễn giải:

• Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Quyết định số thành viên HĐQT;

- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

- **Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay như sau:

| | |
|----------------------|------------------------------|
| ▪ Ông Lê Minh Tân | Chủ tịch HĐQT |
| ▪ Ông Lê Tuấn Nghĩa | Thành viên HĐQT kiêm Tổng GD |
| ▪ Ông Lê Anh Luân | Thành viên HĐQT |
| ▪ Ông Vương Anh Tuấn | Phó chủ tịch HĐQT |
| ▪ Bà Đào Thị Đàm | Thành viên HĐQT |

- **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Cơ cấu Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay như sau:

- | | |
|----------------------|------------|
| ▪ Bà Vũ Thị Hồng Vân | Trưởng ban |
| ▪ Bà Cao Hà Linh | Thành viên |
| ▪ Bà Phạm Thị Doan | Thành viên |

☛ **Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban**

a. Phòng Tổ chức - Hành chính

a) Chức năng: Tham mưu và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật hiện hành về các nhiệm vụ được giao.

b) Nhiệm vụ:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty;
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty;
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại;
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được Nhà nước ban hành;
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Giám đốc Công ty.

b. Phòng Tài chính - Kế toán

a) Chức năng: Tham mưu và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về các nhiệm vụ được giao.

b) Nhiệm vụ chủ yếu:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban Giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền;
- Phân tích tình hình tài chính, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Giám đốc;
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.

c. Phòng Kinh Doanh

a) Chức năng: Tham mưu và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật hiện hành về các nhiệm vụ được giao.

b) Nhiệm vụ chủ yếu:

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt;
- Lập phương án, soạn thảo quy chế, quy định việc phân phối sản phẩm;
- Nghiên cứu, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, tổ chức mạng lưới, thông tin quảng cáo tiếp thị và hỗ trợ xúc tiến phát triển sản phẩm;
- Tổ chức, quản lý mạng lưới các đơn vị, đại lý tiêu thụ sản phẩm, báo cáo tình hình tổ chức thông tin quảng cáo tiếp thị, xúc tiến sản phẩm, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, báo cáo tình hình tiêu thụ.
- Tìm kiếm, duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng; chăm sóc khách hàng theo chính sách của Công ty.

d. Phòng Kỹ thuật

a) Chức năng: Tham mưu và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật hiện hành về các nhiệm vụ được giao.

b) Nhiệm vụ chủ yếu:

- Quản lý, thực hiện và kiểm tra công tác kỹ thuật, thi công nhằm đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng, khối lượng và hiệu quả kinh tế trong toàn Công ty;
- Quản lý sử dụng, sửa chữa, mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty.
- Xây dựng phương án thi công, phương án kỹ thuật cho các dự án, các loại phương tiện xe máy thiết bị thi công, các sản phẩm khác để tổ chức thực hiện trong toàn Công ty.
- Kiểm tra, xác định khối lượng, chất lượng, quy cách vật tư, mức hao phí lao động trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật được duyệt; Xây dựng phương án thi công, phương án PCCN, phương án an toàn lao động và vệ sinh môi trường đối với các công trình lớn trọng điểm; Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc lập và duyệt phương án thi công, phương án PCCN, phương án an toàn lao động, vệ sinh môi trường đối với các công trình nhỏ.
- Phối hợp cùng với phòng Kinh doanh, phòng Phát triển dự án lập hồ sơ dự thầu các công trình Công ty tham gia đấu thầu.
- Hướng dẫn, giám sát và kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong quá trình sản xuất về mặt kỹ thuật, chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, máy móc thiết bị và vệ sinh môi trường.
- Hướng dẫn và cùng các đơn vị trực thuộc lập hồ sơ nghiệm thu công trình, phối hợp với chủ đầu tư nghiệm thu bàn giao công trình.
- Quản lý, bảo quản, sửa chữa, điều động toàn bộ xe máy thiết bị thi công trong toàn Công ty. Lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm thiết bị máy móc hàng quý, năm. Phối hợp cùng phòng Kinh doanh, phòng Tài chính kế toán khoán quản ca xe, máy các loại tại các đơn vị trực thuộc Công ty và các đối tác ngoài Công ty.
- Trực tiếp tổ chức thi công công trình do Giám đốc Công ty quyết định.

e. Phòng Kế hoạch – Đầu tư

a) Chức năng: Tham mưu và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật hiện hành về các nhiệm vụ được giao.

b) Nhiệm vụ chủ yếu:

- Tham mưu cho Giám đốc Công ty hoạch định các chương trình, dự án đầu tư đúng quy trình quản lý đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với cơ chế, chính sách của Nhà nước trong từng giai đoạn;
- Trực tiếp thực hiện điều hành, kiểm soát quản lý các dự án đầu tư và xây dựng do Công ty làm chủ đầu tư theo đúng các Quyết định phê duyệt của Giám đốc Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Tham mưu, thương thảo, lập hồ sơ hợp đồng các công việc liên quan đến hoạt động của các dự án đầu tư và xây dựng, trình Chủ đầu tư xem xét ký kết hợp đồng; Lập hồ sơ hợp đồng và

ký kết hợp đồng có nội dung liên quan đến các hoạt động của các dự án và xây dựng theo quyết định của Tổng Giám đốc Công ty.

– Thực hiện công tác giám sát kỹ thuật, quản lý nguồn vốn, dự án công trình nhằm đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng theo yêu cầu của dự án, công trình; Kịp thời xử lý vướng mắc. Đồng thời quản lý tiến độ thực hiện các dự án, công trình, xác định công việc khối lượng hoàn thành làm cơ sở cho Lãnh đạo Công ty chỉ đạo, cân đối nguồn vốn, kế hoạch thực hiện và thanh quyết toán vốn đầu tư;

– Tổ chức nghiệm thu, kiểm tra hồ sơ hoàn công, xác định giá trị quyết toán, thực hiện thủ tục thuê tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp để kiểm tra quyết toán và thanh lý hợp đồng liên quan.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.

- **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty ngày 17/05/2019**

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty ngày 17/05/2019

| Cổ đông | CMTND | Địa chỉ | Số lượng CP | Giá trị (VND) | Tỷ lệ % |
|------------------|---|--|------------------|-----------------------|--------------|
| Lê Minh Tân | Số:1413057 53, cấp ngày 08/09/2012 | 38 Dã Tượng, TP Hải Dương, Hải Dương | 3.100.000 | 31.000.000.000 | 31,00% |
| Đào Thị Đàm | Số: 141504175, cấp ngày 01/08/2006 | Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn Hải Dương | 1.050.000 | 10.500.000.000 | 10,50% |
| Tổng cộng | | | 4.150.000 | 41.500.000.000 | 41,50 |

Nguồn: Công ty cổ phần xây dựng 1369

- **Danh sách người có liên quan đến cổ đông nắm giữ 5% cổ phiếu trở lên nắm giữ cổ phiếu C69 tại ngày 17/05/2019**

| STT | Tên người nội bộ và người có liên quan | Chức vụ/ Mối quan hệ | Địa chỉ | Số CMTND | Ngày cấp | Số lượng cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|--|----------------------------|--|-----------|------------|---------------------------|--------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | | |
| 1 | Lê Minh Tân | Chủ tịch Hội đồng quản trị | Số 38 Dã Tượng, Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương | 141305753 | 26/10/2009 | 3.100.000 | 31,00% |
| 1.1 | Lê Anh Luân | Em trai | Khu 2, TT Phú Thù, Kinh Môn, Hải Dương | 141618647 | 28/06/2007 | 475.000 | 4,75% |
| 1.2 | Phạm Văn Thụ | Anh vợ | Số 88 phố Hồng Châu, p. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương | 141584140 | 29/07/2015 | 50.000 | 0,50% |

- Danh sách cổ đông sáng lập:

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập

| Cổ đông | ĐKKD | Địa chỉ | Số lượng CP | Giá trị (VND) | Tỷ lệ % |
|--------------|-----------------------------------|---|-------------|----------------|---------|
| Lê Minh Tân | Số:141305753, cấp ngày 08/09/2012 | 38 Dã Tượng, TP Hải Dương, Hải Dương | 3.100.000 | 31.000.000.000 | 31,00% |
| Lê Anh Luân | Số:141618647 cấp ngày 28/06/2007 | Phú Thù, Kinh Môn, Hải Dương | 475.000 | 4.750.000.000 | 4,75% |
| Phạm Văn Thụ | Số: 141584140 cấp ngày 29/07/2015 | Số 383/1, Bùi Thị Xuân, P Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương | 50.000 | 500.000.000 | 0,50% |

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng 1369

Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, số lượng cổ phần sở hữu của các cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty vào ngày 30/12/2005 bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 3 năm kể từ ngày đăng ký kinh doanh. Số lượng cổ phần tăng thêm của cổ đông sáng lập trong các đợt phát hành sau ngày đăng ký kinh doanh lần đầu không bị hạn chế chuyển nhượng. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, toàn bộ cổ phiếu của các cổ đông sáng lập đã hết hạn chế chuyển nhượng và trở thành cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.

- Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty

Bảng 3: Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 17/05/2019

| STT | Họ và tên | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Giá trị (VND) | Tỷ lệ % trên VDL thực góp |
|------------|---------------------------|------------------|-------------------|------------------------|---------------------------|
| I | Cổ đông trong nước | 193 | 9.990.100 | 99.901.000.000 | 99,901% |
| 1 | Tổ chức | 03 | 69 | 690.000 | 0,001% |
| 2 | Cá nhân | 190 | 9.990.031 | 99.900.310.000 | 99,900% |
| II | Cổ đông nước ngoài | 03 | 9.900 | 99.000.000 | 0,099% |
| 1 | Tổ chức | | | | |
| 2 | Cá nhân | 03 | 9.900 | 99.000.000 | 0,099% |
| III | Cổ phiếu quỹ | 0 | - | - | - |
| | Tổng Cộng | 196 | 10.000.000 | 100.000.000.000 | 100 |

Nguồn: Công ty cổ phần xây dựng 1369

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:

a. Danh sách công ty mẹ và công ty nắm quyền kiểm soát, chi phối đối với Công ty:

Không có

b. Danh sách công ty con, những công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát, chi phối:

Không có

c. Công ty liên kết:

Không có

5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty:

Bảng 4: Quá trình tăng vốn

| Thời gian | Vốn điều lệ trước khi tăng | Vốn Điều lệ tăng thêm | Vốn Điều lệ sau khi tăng | Hình thức tăng vốn | Căn cứ pháp lý |
|-----------|----------------------------|-----------------------|--------------------------|---------------------------------|---|
| 2007 | 3.500.000.000 | 6.000.000.000 | 9.500.000.000 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu. | + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2007/1369/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/12/2007 thông qua phương án phát hành; + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000084 thay đổi lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007. |
| 2010 | 9.500.000.000 | 10.500.000.000 | 20.000.000.000 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu. | + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01-2010/1369/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/07/2010 thông qua phương án phát hành; + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800282385 thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 06 tháng 07 năm 2010. |
| 2016 | 20.000.000.000 | 30.000.000.000 | 50.000.000.000 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu. | + Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01-2016/1369/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/05/2016 thông qua phương án phát hành; + Nghị quyết HĐQT số 01-2016/NQ-HĐQT ngày 16/05/2016 thông qua phương thức tăng vốn và phương án sử dụng vốn; + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800282385 thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu |

| | | | | | |
|------|---------------------|----------------|-----------------|--------------------|---|
| | | | | | tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 16 tháng 06 năm 2016. |
| 2018 | 50.000.000.000 0 | 50.000.000.000 | 100.000.000.000 | Phát hành riêng lẻ | <p>+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2018/C69/ NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018 thông qua phương án phát hành;</p> <p>+ Công văn số 4960 Ngày 10/08/2018 của UBCKNN về việc chấp thuận phát hành riêng lẻ của Công ty 1369.</p> <p>+ Nghị quyết HĐQT số 2808/2018/C69/ NQ-HĐQT ngày 28/08/2018 thông qua kết quả chào bán riêng lẻ;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800282385 thay đổi lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 25 tháng 09 năm 2018.</p> |

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng 1369

6. Hoạt động kinh doanh

🔻 Hoạt động xây lắp

Hoạt động xây lắp là hoạt động chính của Công ty trong những năm vừa qua. Công ty là nhà thầu chính, với các hoạt động chính là thiết kế, thi công các công trình xây dựng công nghiệp như thiết kế, xây dựng nhà xưởng và lắp đặt các thiết bị kèm theo. Hoặc Công ty là nhà thầu phụ tham gia vào quá trình thiết kế, thi công một vài hạng mục trong công trình. Thế mạnh của Công ty là đội ngũ công nhân viên có kinh nghiệm thi công, giám sát thi công, cùng hệ thống máy móc thiết bị tốt, đảm bảo tiến độ thi công theo đúng yêu cầu của chủ đầu tư. Với đội ngũ công nhân viên có kinh nghiệm, hệ thống máy móc tốt Công ty đã thi công và hoàn thành một số Công trình, đảm bảo tiến độ, đảm bảo chất lượng như giai đoạn 1 công trình hạ tầng Cầu Sến Ưông Bí, công trình nhà xưởng thép Việt Nhật, công trình nhà máy gạch Kim Thành, công trình trạm nghiền đá Thống Nhất,... Chi tiết cụ thể một số dự án Công ty đã và đang thực hiện như sau:

- * Công trình hạ tầng Khu đô thị Cầu Sến Ưông bí, tỉnh Quảng Ninh

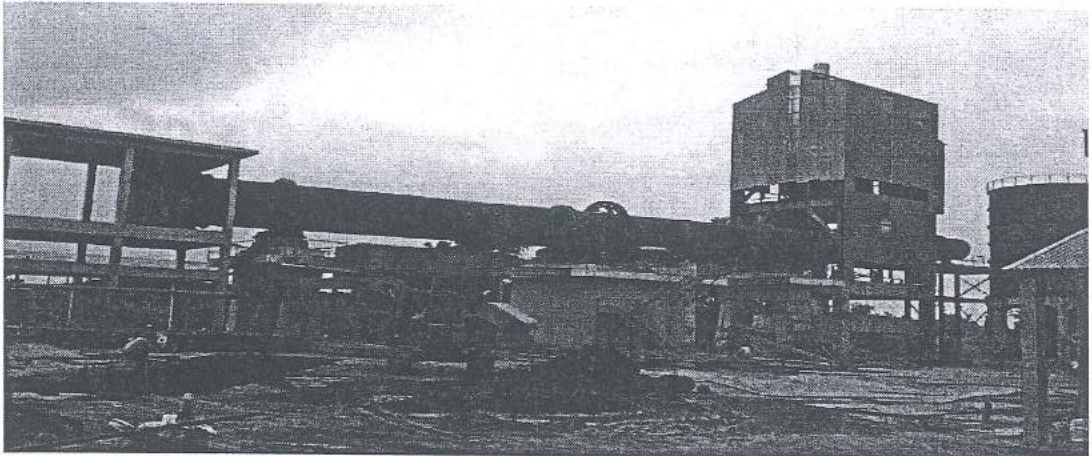
Khu đô thị Cầu Sến Ưông Bí là khu đô thị được xây dựng tại Phường Phương Đông, Phường Yên Thanh thành Phố Ưông Bí được phê duyệt theo quyết định số 312/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ theo quyết định phê duyệt thiết kế, bản vẽ thị công dự toán công trình các hạng mục hạ tầng khu đô thị Cầu Sến Ưông Bí của Công ty TNHH Hoa Nhân số 2980/QĐ-SXD của Sở xây dựng tỉnh Quảng Ninh, tổng giá trị dự toán phê duyệt 64.839.154.000 VNĐ. Công ty đang nhà thầu chính trực tiếp thi công hạ tầng công trình này. Hiện nay, công trình đã hoàn thành giai đoạn 1 được chủ đầu tư đánh giá rất tốt và tiếp tục ký hợp đồng thi công giai đoạn 2 theo hợp đồng khoán gọn số 2506/HĐKT-CTHN ngày 25/06/2016 với tổng giá trị thi công là 48.603.168.000 VNĐ.



Hạ tầng khu đô thị giai đoạn 1 (Nguồn: CTCP Xây dựng 1369)

*** Công trình Nhà máy xi măng trắng Phúc Đạt**

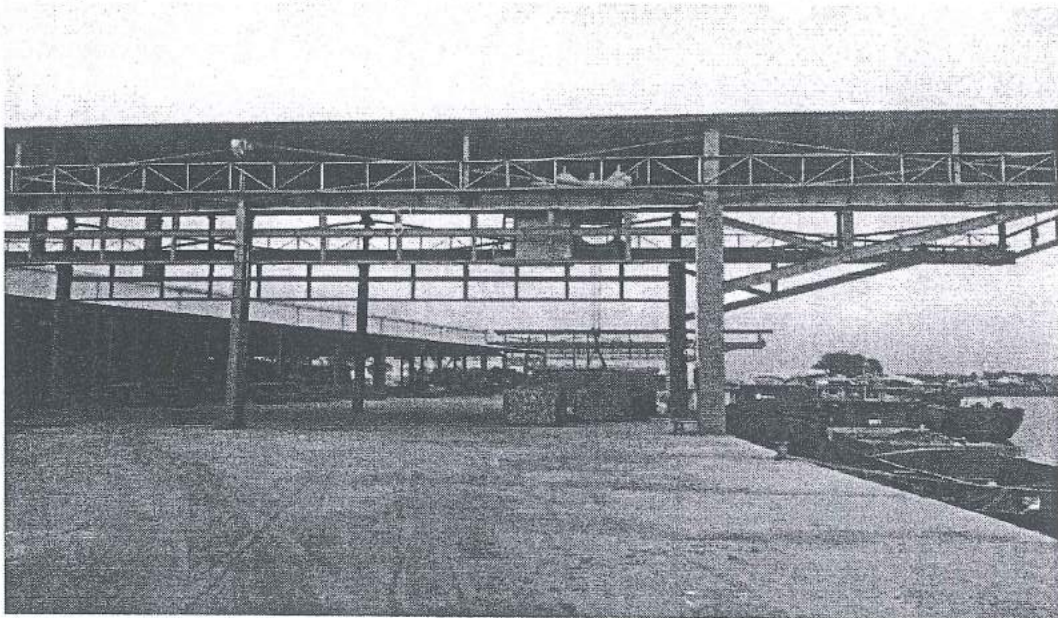
Dự án Nhà máy sản xuất xi măng trắng Phúc Đạt được xây dựng tại cụm công nghiệp Kỳ Sơn, xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương nằm gần vùng nguyên liệu. Là một trong những nhà máy xi măng áp dụng lò quay khô điện hiện đại, tấm lợp không sử dụng amiăng và ngói xi măng màu nhằm sản xuất các sản phẩm xi măng trắng đạt tiêu chuẩn TCVN 5691#2000, tấm lợp xi măng không sử dụng amiăng đạt tiêu chuẩn tương đương với TCVN 4434#2000, ngói xi măng màu đạt tiêu chuẩn châu Âu đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu với tổng mức đầu tư 128.619.113.000 VNĐ. Công ty là đơn vị thiết kế cho công trình và tham gia vào xây dựng một số hạng mục của Công trình. Hiện nay, Công trình đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng.



Công trình xi măng trắng Phúc Đạt (Nguồn: Công ty CP Xây dựng 1369)

*** Công trình Nhà máy gạch ngói Kim Thành**

Nhà máy gạch Kim Thành bao gồm 3 lò nung, sử dụng công nghệ lò tuynel lò băng hiện đại nhất tại Việt Nam, bốc xếp tự động cầu cảng xuất hàng được xây dựng đồng bộ. Sản lượng thực tế 500.000 viên trên ngày, ước tính 170 triệu viên trên năm (sản xuất 330 ngày). Hiện tại, Kim Thành đang là nhà máy gạch lớn tại Quảng Ninh, và là một trong những nhà máy cung cấp gạch lớn tại Việt Nam cung cấp lượng lớn gạch ra thị trường. Đây là một trong những công trình lớn và trọng điểm của Công ty. Hiện tại Công ty đã thi công xây dựng xong giai đoạn 1 cho nhà máy và đang tiến hành thi công giai đoạn 2.



Nhà máy gạch Kim Thành (nguồn: Công ty CPXD 1369)

* Ngoài ra, Công ty còn tiến hành xây dựng một số công trình như nhà xưởng Việt Nhật, công trình trạm nghiền Quảng Bình, công trình showroom oto Mitsubishi Hải Dương,...

⚡ **Hoạt động đầu tư, hợp tác kinh doanh.**

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HĐ/2016/1369-DH trị giá 12.000.000.000 đồng với Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng Đông Hải Quảng Ninh – Xí nghiệp đá Thống Nhất để thực hiện dự án khai thác đá làm vật liệu xây dựng tại thôn Đồng Vải, xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh. Cụ thể dự án như sau:

- (i) Dự án căn cứ theo quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 13/02/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc cho phép Trại giam Quảng Ninh được quản lý mỏ đá và liên kết với Công ty cổ phần xây dựng Đông Hải khai thác đá làm vật liệu xây dựng tại xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh với trữ lượng khai thác được phê duyệt là 2.222.927 m³. Gồm các loại đá hộc với kích cỡ 5-9 cm, 2-4 cm, 1-2 cm sử dụng trong hoạt động xây dựng, hoạt động luyện thép,...
- (ii) Mục tiêu: Khai thác đá để làm vật liệu xây dựng phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.
- (iii) Địa điểm thực hiện dự án: Thôn Đồng Vải, xã Thống Nhất, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh.
- (iv) Diện tích đất sử dụng: 22,78 ha
- (v) Thời gian khai thác: 15 năm kể từ ngày được cấp giấy phép (từ ngày 13 tháng 02 năm 2014 đến ngày 13 tháng 02 năm 2029).

Mỏ đá khai thác có vị trí thuận lợi cho giao thông đường thủy, dễ dàng tiếp cận các cảng như: Cái Lân, Cẩm Phả, Hòn Gai... Sản lượng khai thác có thể đạt đến 3500 m³/tháng. Về chất lượng, mỏ đá Hoành Bồ là một trong những mỏ đá hiếm, có hàm lượng CaCO₃ cao đủ tiêu chuẩn làm nguyên vật liệu cho ngành luyện thép.

Vì vậy, từ năm 2014 đến nay, Chi nhánh Công ty cổ phần xây dựng Đông Hải Quảng Ninh – Xí nghiệp đá Thống Nhất đã ký hợp đồng cung cấp đá xuất khẩu cho các khách hàng nước ngoài chuyên về luyện thép với số lượng lớn như Biroute Limited, Công ty TNHH Quốc tế Blooming, Deluxe Jewel Co Ltd, Kingstone Mine Corp,....

Các sản phẩm tiêu biểu:

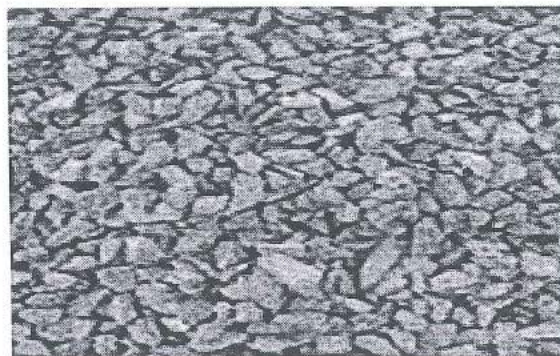
- Đá 5-9 cm: Đây là loại đá có kích thước lớn nhất thu được sau quá trình nghiền sàng. Loại đá này được dùng để đổ bê tông làm nhà cao tầng, đường băng sân bay, đường ray xe lửa, cầu cảng, đường cao tốc và được dùng phổ biến ở các nhà máy bê tông tươi hoặc bê tông nhựa nóng, nguyên liệu cho ngành công nghiệp sản xuất xi măng, sản xuất thép.
- Đá 2-4 cm: Loại đá này được dùng để đổ bê tông làm nhà cao tầng, đường băng sân bay, cầu cảng, đường cao tốc và được dùng phổ biến ở các nhà máy bê tông tươi hoặc bê tông nhựa nóng, nguyên liệu cho ngành công nghiệp sản xuất xi măng, sản xuất thép.
- Đá 1-2 cm: Loại đá này được dùng để đổ bê tông làm nhà cao tầng, đường băng sân bay, cầu cảng, đường cao tốc và được dùng phổ biến ở các nhà máy bê tông tươi hoặc bê tông nhựa nóng, nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất xi măng, sản xuất thép...

• Đá mặt: Là mặt đá có kích cỡ khoảng từ 3mm đến 14mm. Sản phẩm đá mặt là sản phẩm phụ được tạo ra trong quá trình chế biến sản phẩm thành đá 1x1, 1x2. Sản phẩm dùng trong thành phần của bê tông nhựa nóng và nhựa nguội, có thể rải trực tiếp lên mặt nhựa nóng, dùng để làm gạch BLOCK, làm tán đan bê tông, rải nền đường, nền nhà, san lấp các công trình, v.v...

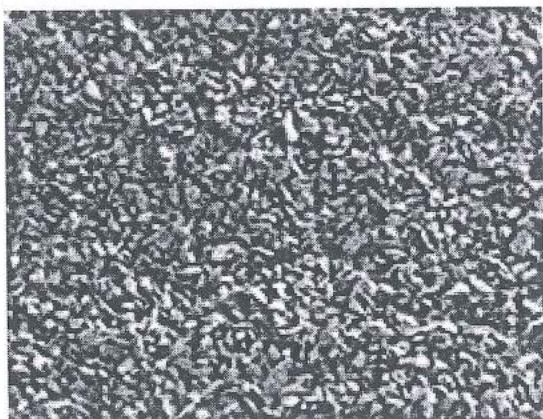
➤ Một số hình ảnh sản phẩm:



Đá 5-9 cm



Đá 2-4 cm



Đá 1-2 cm



Đá mặt

➤ Quá trình sản xuất và tiêu thụ:

1. Đá hộc được khai thác bằng phương pháp nổ mìn hoặc sử dụng các mũi khoan.



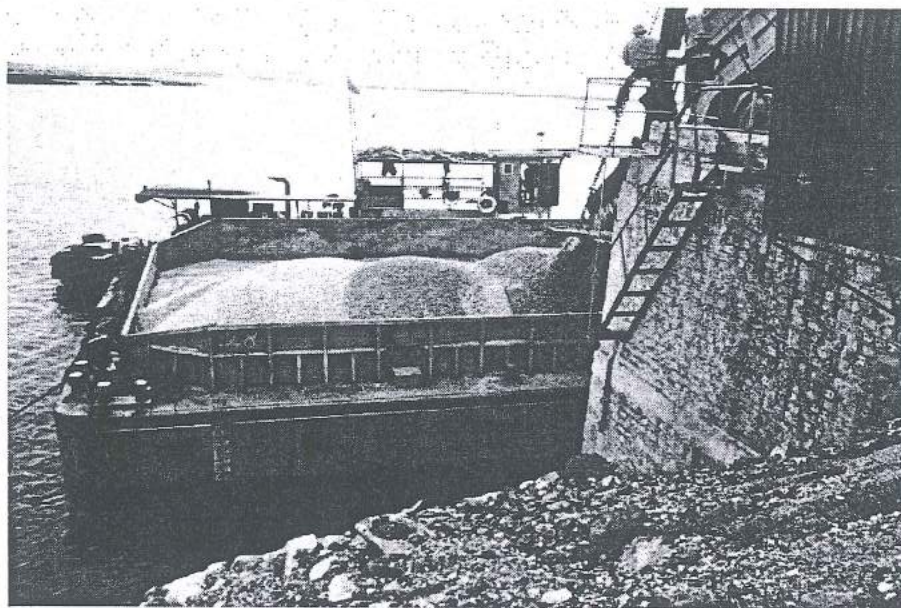
2. Nghiền đá. Đá thu thập từ mỏ được qua trạm nghiền tạo thành các sản phẩm đá hộc.



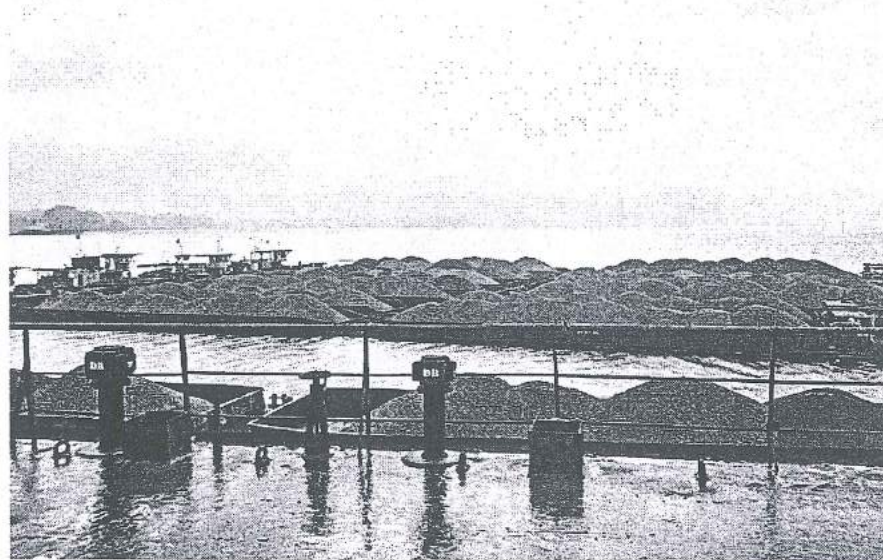
3. Vận chuyển đến bãi chứa: đá thành phẩm được tập kết tại bãi chứa tại gần cảng xuất.



4. Rót xuống xà lan: Sau khi cân đá tại các trạm cân đá được rót xuống xà lan để xuất đi các cảng hoặc được vận chuyển trực tiếp đến khách hàng



5. Vận chuyển bằng xà lan ra tàu: Đối với hoạt động xuất khẩu do tàu xuất khẩu được đặt tại các cảng lớn tại Hải Phòng, Quảng Ninh, cảng xuất hàng của đơn vị không đủ độ sâu để tàu lớn không thể vào cảng lấy hàng. Đơn vị phải vận chuyển bằng xà lan và bốc lên tàu.



6. Bốc lên tàu : Đá vận chuyển từ xà lan ra sẽ được bốc lên tàu lớn



✦ Dịch vụ vận chuyển, cho thuê xe vận chuyển, dịch vụ khai thác đá

Hiện nay, Công ty có một lượng lớn xe vận tải đủ các trọng lượng vừa đảm nhiệm vận chuyển buôn bán hàng hoá vật liệu xây dựng, vận chuyển phục vụ các công trình san lấp mặt bằng, công trình xây dựng... Tận dụng lợi thế về số lượng xe Công ty còn cung cấp dịch vụ vận chuyển đất đá thải, dịch vụ vận chuyển hàng hoá xây dựng và cho thuê xe khi có nhu cầu. Việc cung cấp dịch vụ này, đảm bảo cho Công ty sử dụng tối đa nguồn lực của đơn vị. Những ưu thế của Công ty tại lĩnh vực này là:

- + Số lượng xe chuyên chở lớn phù hợp với nhiều loại hàng hóa
- + Đội ngũ nhân viên, lái xe có kinh nghiệm trong mọi loại địa hình.
- + Chịu trách nhiệm nếu hàng hóa bị tổn thất trong quá trình vận chuyển.
- + Có trách nhiệm thông báo cho khách hàng khi xảy ra sự cố trong quá trình vận chuyển và có biện pháp phối hợp giải quyết hợp lý nhất.

Ngoài ra, Công ty thực hiện mảng dịch vụ khai thác đá tại Quảng Bình cho Công ty cổ phần Vicem Hải Vân. Tuy nhiên, để thuận tiện cho việc quản lý và theo dõi chi phí, tháng 3/2015 Công ty thành lập chi nhánh tại Quảng Bình để thực hiện dịch vụ khai thác đá.

Ngày 18/3/2015, chi nhánh tại Quảng Bình đã ký hợp đồng thực hiện dịch vụ khai thác và xay nghiền đá vôi cho Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hải Vân tại mỏ đá Đông Nam Lèn Áng dùng để làm nguyên liệu phục vụ sản xuất cho nhà máy xi măng Vạn Ninh, với thời hạn thực hiện hợp đồng là 10 năm kể từ ngày ký. Mỏ đá Đông Nam Lèn Áng là mỏ đá vôi của Công ty Vicem Hải Vân, trữ lượng đá vôi lớn dùng cho hoạt động sản xuất xi măng. Khối lượng đá khai thác phục vụ sản xuất phụ thuộc vào yêu cầu của Công ty Vicem Hải Vân, và phải đảm bảo trong kho dự trữ luôn tồn tối thiểu 20.000 tấn đá. Hiện nay, Chi nhánh của Công ty đang thực hiện rất tốt yêu cầu của khách hàng đối với hoạt động khai thác này, đóng góp một phần doanh thu và lợi nhuận vào kết quả chung của Công ty.

Một số hình ảnh xe vận chuyển của công ty:



↓ Thương mại nguyên vật liệu xây dựng

Hoạt động thương mại nguyên vật liệu xây dựng (xi măng, sắt, thép...) là một trong những hoạt động đầu tiên khi doanh nghiệp bắt đầu thành lập. Tuy hoạt động này của doanh nghiệp có tỷ lệ lợi nhuận gộp không cao, nhưng hoạt động này giúp doanh nghiệp có thể đảm bảo việc cung cấp kịp thời yếu tố đầu vào cho hoạt động xây dựng khi cần thiết. Việc duy trì hoạt động này còn giúp Công ty luôn có mối quan hệ rất tốt với nhà cung cấp và đảm bảo luôn chuyển hàng tồn kho tránh tình trạng hàng tồn kho tồn đọng quá lâu. Ngoài ra, khi duy trì hoạt động thương mại hàng hoá có thể giúp Công ty có thể khai thác tối đa số lượng xe vận tải mà Công ty đang sở hữu.

Về hoạt động thương mại và xuất khẩu đá, với nguồn cung cấp đá từ mỏ đá Thống Nhất, công ty hoàn toàn có thể đáp ứng được yêu cầu của các đơn hàng lớn thường xuyên, liên tục cho các đối tác trong cũng như ngoài nước. Hiện nay, sản phẩm đá vôi của công ty đã từng được xuất đi các thị trường như Trung Quốc, Đài Loan, Bangladesh, Ấn Độ...

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty qua các giai đoạn

Đơn vị tính: triệu VND

| TT | Doanh thu | Năm 2017 | | Năm 2018 | | 06 tháng đầu năm 2019 | |
|-----------------------------|-------------------------------|----------------|------------|----------------|------------|-----------------------|------------|
| | | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| | | | %DTT | | %DTT | | %DTT |
| 1 | Doanh thu bán hàng | 83.704 | 46,45 | 132.449 | 66,46 | 121.029 | 85,3 |
| 2 | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 2.164 | 1,21 | 1.281 | 0,65 | 159 | 0,1 |
| 3 | Doanh thu công trình xây dựng | 94.315 | 52,34 | 65.559 | 32,89 | 20.731 | 14,6 |
| Tổng doanh thu thuần | | 180.183 | 100 | 199.289 | 100 | 141.920 | 100 |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, BCTC BCTC bán niên 2019 đã soát xét.

❖ Chi phí sản xuất

Bảng 6: Cơ cấu chi phí sản xuất

Đơn vị: VND

| Chi tiết | 2017 | | 2018 | | 06 tháng đầu năm 2019 | |
|-------------------|----------------|-----------|----------------|--------------|-----------------------|-------------|
| | Giá trị | % DTT | Giá trị | % DTT | Giá trị | % DTT |
| Giá vốn hàng bán | 163.670 | 90,84 | 175.206 | 87,93 | 115.646 | 81,5 |
| Chi phí bán hàng | 2.324 | 1,29 | 5.417 | 2,72 | 14.652 | 10,3 |
| Chi phí quản lý | 7.897 | 4,38 | 8.816 | 4,42 | 5.122 | 3,6 |
| Chi phí tài chính | 1.561 | 0,87 | 4.300 | 2,16 | 3.066 | 2,1 |
| Tổng cộng | 175.453 | 97 | 193.741 | 97,23 | 138.486 | 97,5 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, BCTC kiểm toán 2018, BCTC bán niên 2019 đã xoát xét.

a. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

Bảng 7: Lợi nhuận gộp qua các giai đoạn

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | 2017 | Tỷ lệ/DTT | 2018 | Tỷ lệ/DTT | 06 tháng đầu năm 2019 | Tỷ lệ/DTT |
|---|--------|-----------|--------|-----------|-----------------------|-----------|
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 16.512 | 9,16 | 24.057 | 12,07 | 26.273 | 18,5 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, BCTC kiểm toán 2018, BCTC bán niên 2019 đã xoát xét.

b. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

– Để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường, công ty luôn luôn đổi mới, phát triển công nghệ xây dựng nhằm tăng năng suất, rút ngắn thời gian xây dựng mà vẫn đảm bảo chất lượng công trình. Bên cạnh đó, ở mảng dịch vụ khai thác đá tại Quảng Bình, Công ty vừa bổ sung thêm 1 dây chuyền sản xuất nhập khẩu tại Úc, hứa hẹn sự đột biến về sản lượng đá trong thời gian sắp tới.

– Trong lĩnh vực xây dựng, công nghệ chủ yếu là các máy móc hiện đại hỗ trợ trong quá trình thi công. Công ty đã nhập khẩu rất nhiều máy móc từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc như: Máy đào Hitachi của Nhật, máy đào Komatsu của Nhật, xe vận chuyển vật liệu nổ của Nga, máy lu rung Sakai của Nhật, máy đầm bàn, máy đầm dùi của Nhật,...

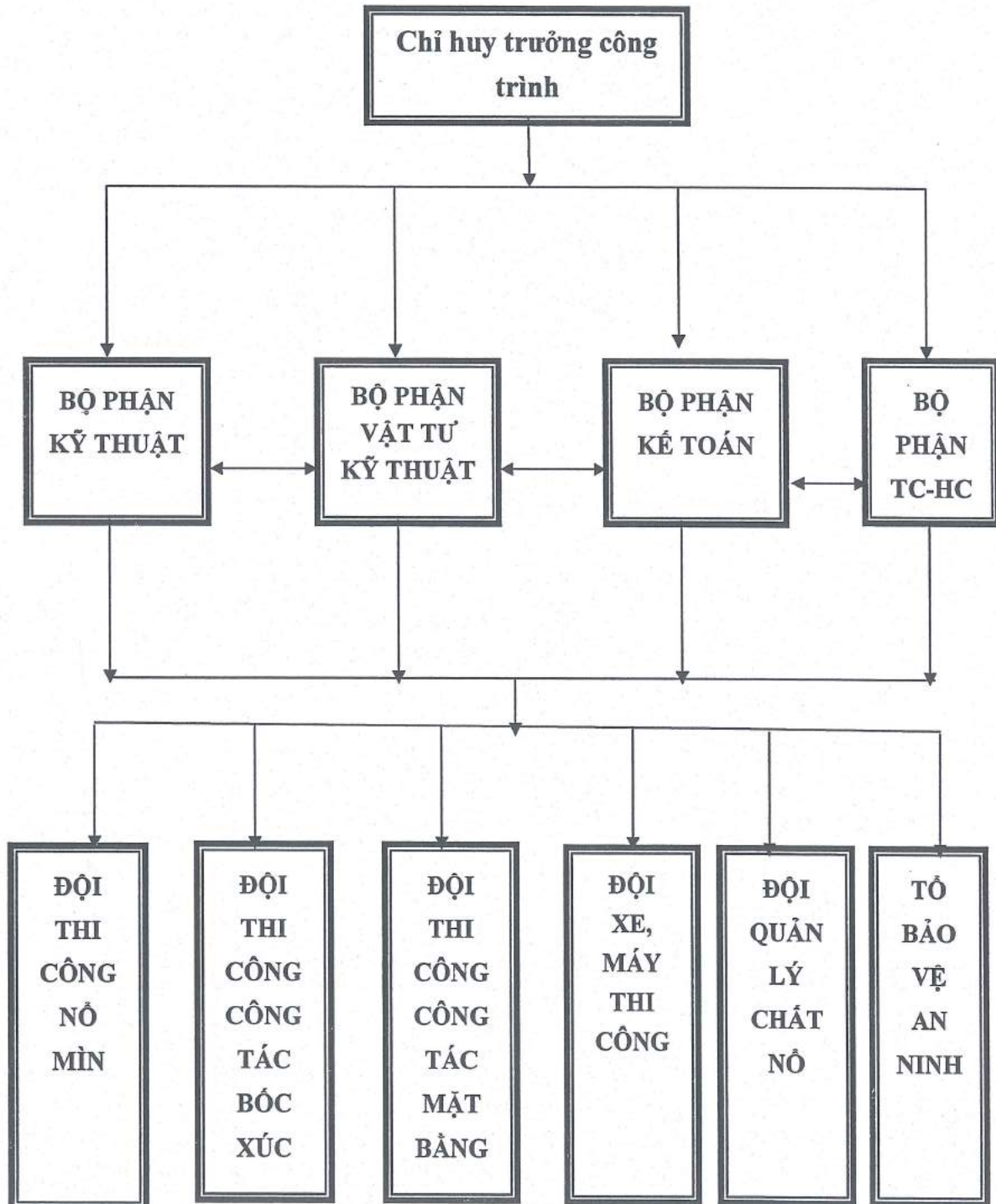
– Trong lĩnh vực thương mại, công ty hướng đến thị trường xuất khẩu nên đã cùng Chi nhánh CTCP Xây dựng Đông Hải – Quảng Ninh đầu tư hệ thống trang thiết bị và máy móc hiện đại nhất cho các nhà máy sản xuất đá khi thực hiện hợp tác kinh doanh tại mỏ đá Thống Nhất. Các nhà máy đã và đang xây dựng là nhà máy kiểu mẫu về quy trình và đầu tư thiết bị công nghệ mới sẽ tiết kiệm chi phí tiêu hao năng lượng, đảm bảo chất lượng tốt nhất và thời gian ngắn nhất cho việc sản xuất ra thành phẩm.

c. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty thiết lập Bộ phận quản lý chất lượng, để điều hành việc quản lý chất lượng trong toàn bộ hệ thống xây dựng và cung ứng sản phẩm của Công ty. Bộ phận quản lý chất lượng của Công ty được tổ chức chặt chẽ, hoạt động có hệ thống, tuân thủ theo chính sách chất lượng của

Công ty. Quá trình xây dựng công trình và bán sản phẩm được kiểm soát nghiêm ngặt, quy trình sản xuất được tiêu chuẩn hoá. Cải tiến liên tục và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình là cốt lõi của hệ thống quản lý, giúp mang lại hiệu quả hoạt động cao cho Công ty và giúp giảm thiểu các chi phí phát sinh không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực trong quá trình hoạt động. Ví dụ về việc tổ chức hiện trường xây dựng như sau:

Sơ đồ tổ chức hiện trường



Ghi chú:

:Mối quan hệ một chiều



: Mối quan hệ hai chiều



Ban chỉ huy công trình có nhiệm vụ phối hợp điều hành hoạt động của các đội thi công trên công trường đồng thời là đầu mối chịu sự kiểm tra giám sát, hỗ trợ nghiệp vụ của các phòng ban nghiệp vụ thuộc công ty. Chỉ huy trưởng công trình cùng với ban chỉ huy sẽ trực tiếp tham gia vào việc thẩm định chất lượng công trình thi công, chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ, giá thành trước công ty. Như vậy, chất lượng và tiến độ công trình luôn được giám sát rất chặt chẽ, đảm bảo được uy tín cho công ty.

d. Hoạt động Marketing

Với mục tiêu đẩy mạnh doanh thu, CTCP xây dựng 1369 luôn có kế hoạch thúc đẩy kinh doanh nội địa bằng các chiến lược như: chiến lược tăng khả năng thắng thầu, chiến lược phân phối sản phẩm và chiến lược xúc tiến khác. Cụ thể:

– **Chiến lược tăng khả năng thắng thầu:** Đánh giá mức độ thắng thầu trước khi có tham gia tranh thầu hay không, hoặc tìm ra điểm yếu dẫn đến không thắng thầu. Dùng phương pháp đánh giá và chấm điểm theo các tiêu chí có trọng số khác nhau và lập ra thang điểm phù hợp để xét khả năng trúng thầu. Đề xuất các tiêu chí có ảnh hưởng đến khả năng thắng thầu cho phương pháp này áp dụng tại công ty như sau:

- Tiêu chí đảm bảo mục tiêu lợi nhuận cho công ty
- Đánh giá về khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
- Đánh giá về khả năng đáp ứng về năng lực thi công
- Đánh giá về mặt tài chính thương mại
- Đánh giá mức độ quen biết với chủ đầu tư
- Đánh giá về đối thủ cạnh tranh

– **Chiến lược phân phối sản phẩm:** Nâng cao khả năng nắm bắt và làm chủ thông tin thị trường bằng cách xây dựng đội ngũ chuyên làm nhiệm vụ quan hệ, hợp tác, tìm kiếm thông tin.

Mở rộng sản phẩm đến các thị trường mới, mở rộng thị phần đối với các lĩnh vực mua bán vật liệu xây dựng trên các tỉnh lân cận ở miền Bắc. Tại chi nhánh, cần kết hợp nhiều hoạt động như phân phối vật tư, lắp đặt thiết bị, cho thuê máy móc thi công,...

– **Chiến lược và chính sách xúc tiến:**

- Chính sách tăng cường quảng cáo: Sử dụng truyền thông để quảng cáo thương hiệu cho công ty. Thiết kế đồng phục có in logo, biểu tượng của công ty. Tham gia tài trợ cho chương trình được công chúng ủng hộ, các hội thảo, hội nghị, đấu thầu,..

- Chiến lược xây dựng uy tín và thương hiệu cho công ty: Nâng cao trình độ cán bộ công nhân viên, tuyển thêm một số kỹ sư giỏi, có kinh nghiệm. Xây dựng đội ngũ kiểm tra chất lượng riêng, đề ra các mức khen thưởng cho người giám sát viên và công nhân, đồng thời đảm bảo tối đa chất lượng công trình.

e. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:

Logo của Công ty cổ phần Xây dựng 1369:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhân hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại.

Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục đăng ký bản quyền nhân hiệu thương mại.

f. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 8: Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

| STT | Khách hàng | Sản phẩm | Giá trị hợp đồng | Thời gian ký kết | Thời gian bắt đầu thực hiện |
|-----|--|---------------------|------------------|------------------|-----------------------------|
| 1 | Công ty TNHH Hoa Nhân | Công trình xây dựng | 67.086.751.000 | 2009 | 2009 |
| 2 | Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Nam Hà Nội | Công trình xây dựng | 104.372.561.000 | 2017 | 2017 |
| 3 | Công ty cổ phần thương mại XNK T&T | Công trình xây dựng | 3.100.000.000 | 2018 | 2018 |
| 4 | Công ty TNHH Toàn Thắng | Công trình xây dựng | 2.638.000.000 | 2018 | 2018 |
| 5 | Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh | Quyền sử dụng đất | 91.416.668.000 | 2018 | 2018 |

| STT | Khách hàng | Sản phẩm | Giá trị hợp đồng | Thời gian ký kết | Thời gian bắt đầu thực hiện |
|-----|------------------------------------|---------------------|------------------|------------------|-----------------------------|
| 6 | Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh | Công trình xây dựng | 81.391.152.000 | 2018 | 2018 |
| 7 | Công ty cổ phần ô tô Hải Dương | Công trình xây dựng | 7.801.875.000 | 2017 | 2017 |
| 8 | Công ty TNHH TM và dịch vụ Yên Đức | Công trình xây dựng | 6.039.573.000 | 2017 | 2017 |
| 9 | Công ty cổ phần Núi Rùa | Công trình xây dựng | 14.379.840.000 | 2018 | 2018 |
| 10 | TS Global Procurement co.pe.ltd | Đá vôi | 42.732.549.900 | 2018 | 2018 |
| 11 | Great Sun international co.ltd | Đá vôi | 8.217.203.744 | 2018 | 2018 |
| 12 | SYNTEC INDUSTRIES CO.,LTD | Đá vôi | 1.453.051.008 | 2018 | 2018 |
| 13 | SCG TRADING COMPANY LIMITED | Đá vôi | 5.599.578.968 | 2018 | 2018 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng 1369

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

a. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 9: Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD

Đơn vị tính: đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | % tăng, giảm năm 2018 so với năm 2017 | 06 tháng đầu năm 2019 |
|-------------------------------|----------|----------|---------------------------------------|-----------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 141.285 | 229.075 | 62,14% | 310.668 |
| Vốn chủ sở hữu | 54.068 | 106.275 | 96,56% | 108.767 |
| Doanh thu thuần | 180.183 | 199.264 | 10,59% | 141.920 |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 4.766 | 5.763 | 20,91% | 3.573 |
| Lợi nhuận khác | 237 | 812 | 242,00% | -237 |
| Lợi nhuận trước thuế | 5.004 | 6.575 | 31,40% | 3.335 |
| Lợi nhuận sau thuế | 3.898 | 5.207 | 33,58% | 2.491 |
| Giá trị sổ sách | 10.814 | 10.628 | -1,72% | - |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức(%) | 6% | 5% | -16,67% | - |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, BCTC kiểm toán 2018, BCTC bán niên 2019 đã xoát xét

(*) *Đính chính Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017*: của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện kiểm toán, tại trang 07 – Bảng cân đối kế toán có trình bày cột “Điều chỉnh Phân loại”. Việc sai sót tại trang 07 nêu trên chỉ đơn thuần là lỗi in ấn do Công ty chưa in hai cột này trong báo cáo đã phát hành; tuy nhiên việc sai sót trên không làm ảnh hưởng đến các nội dung trong báo cáo tài chính. Công ty đã đính chính trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 và công bố thông tin nội dung đính chính trên.

(**) Trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 có ý kiến cần nhấn mạnh của đơn vị kiểm toán như sau: Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.6 và Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2018, Công ty đã thực hiện điều chỉnh thời gian trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm 2018 giảm 1,6 tỷ đồng so với mức trích khấu hao theo khung thời gian khấu hao tài sản cố định của năm trước.

Năm 2018, Công ty có thực hiện xem xét lại thời gian khấu hao tài sản của các nhóm Tài sản cố định theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 03: Tài sản cố định hữu hình, theo đó Công ty nhận thấy có sự thay đổi đáng kể trong việc đánh giá thời gian sử dụng hữu ích của tài sản nên đã xem xét điều chỉnh thời gian khấu hao.

Đồng thời, theo quy định theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 10 (Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính) quy định về số lần thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định: Doanh nghiệp được phép thay đổi thời gian trích khấu hao TSCĐ một lần đối với một tài sản. Việc thay đổi thời gian trích khấu hao của tài sản Công ty đảm bảo không vượt quá tuổi thọ kỹ thuật của TSCĐ.

Vì vậy, trong năm 2018 có một số nhóm tài sản công ty chúng tôi đã thực hiện thay đổi khung thời gian trích khấu hao TSCĐ đúng theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 03 và Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty cổ phần xây dựng 1369 đã có văn bản gửi Cục thuế tỉnh Hải Dương và được chấp thuận.

b. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.

✓ **Những nhân tố khó khăn**

Môi trường cạnh tranh: Thị trường trong nước co hẹp, nhiều công trình đã và đang đi vào hoàn thiện, công nợ thu hồi còn lớn..., dẫn đến cạnh tranh cao, ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của các đơn vị xây dựng. Mặc dù năm 2018, Công ty đã vượt trên 10% chỉ tiêu doanh thu nhưng về lâu dài các doanh nghiệp ngành xây dựng cần có những bước chuyển mình phù hợp nhằm duy trì ổn định sản xuất, kinh doanh.

Giá cả nguyên vật liệu: Chi phí cho nguyên phụ liệu, vận chuyển, lương tối thiểu tăng cao dẫn đến giá thành sản phẩm tăng lên là nguyên nhân chủ yếu khiến giá bán sản phẩm tăng, làm giảm tính cạnh tranh của sản phẩm.

✓ **Những nhân tố thuận lợi**

Các chính sách: Năm 2018, chúng kiến sự thay đổi về chính sách rất lớn. Chính phủ cam kết những chính sách hỗ trợ những doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển cả về vốn và về môi trường kinh doanh. Điều đó đã tạo ra một môi trường tốt hơn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Hiện nay, Hải Dương đang phấn đấu vươn lên là khu đô thị loại một. Để làm được điều đó, tỉnh Hải Dương đã có những chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong tỉnh đẩy mạnh đầu tư góp phần đưa Hải Dương đạt được mục tiêu đã đề ra. Hơn nữa, tỉnh Hải Dương đang tiến hành đầu tư nhiều cơ sở hạ tầng đáp ứng đủ điều kiện để trở thành khu đô thị loại một, điều đó mở ra cơ hội lớn cho các công ty xây lắp nói chung và Công ty cổ phần xây dựng 1369 nói riêng.

Nguồn lực con người: Bộ máy lãnh đạo của Công ty đã dần dần được kiện toàn và cơ cấu lại các bộ phận từ trên xuống dưới tương đối đồng bộ, có đủ điều kiện để tiếp nhận và triển khai công việc một cách thuận lợi. Toàn thể CB - CNV trong Công ty đều tin tưởng, đồng sức, đồng lòng cùng với Ban lãnh đạo Công ty quyết tâm thực hiện các mục tiêu, kế hoạch SX- KD theo định hướng đề ra từ đầu năm. Với lợi thế đó, Công ty hoàn toàn có đủ nội lực để phát triển một cách mạnh mẽ và bền vững trong những năm tới.

Sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương: Sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi của các cấp lãnh đạo, ban ngành địa phương nơi triển khai hoạt động thương mại dịch vụ là điều kiện quan trọng giúp doanh nghiệp thực hiện tốt chiến lược kinh doanh của mình, góp phần vào chiến lược phát triển kinh tế xã hội nói chung của địa phương.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

a. Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện nay, trong lĩnh vực xây dựng có rất nhiều doanh nghiệp hoạt động và cạnh tranh với nhau. Công ty cổ phần xây dựng 1369 là một trong những đơn vị xây dựng có uy tín trong tỉnh Hải Dương, và là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong đổi mới máy móc trang thiết bị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Ban lãnh đạo Công ty, xác định con đường đi riêng của mình phấn đấu đưa Công ty trở thành nhà thầu xây dựng có năng lực trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Bên cạnh đó, bằng việc hợp tác kinh doanh với xí nghiệp đá Thống Nhất một trong những mỏ đá có chất lượng đá tốt nhất Việt Nam, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu đá xây dựng sang nhiều quốc gia hơn nữa. Trên cơ sở niềm tin đã gây dựng được qua nhiều năm hoạt động, Công ty hứa hẹn trong tương lai sẽ được các đối tác tin tưởng giao trọng trách các công trình lớn hơn, quy mô hơn nữa.

Trên cơ sở nguồn lực hiện nay, 1369 có hệ thống tổ chức tốt, nguồn lực tài chính đáp ứng được các tiêu chuẩn về trách nhiệm, chất lượng của các đối tác. Xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó với các đối tác và bạn hàng kể cả trong nước lẫn nước ngoài, chính điều này tạo nên tiền đề phát triển bền vững và lâu dài cho Công ty.

b. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành xây dựng: Trong những năm gần đây, Việt Nam là 1 trong 3 thị trường lớn nhất Đông Nam Á, và là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài mạnh mẽ. Đây cũng là yếu tố giúp ngành xây dựng trở thành ngành có tốc độ tăng trưởng hàng đầu tại Việt Nam, và cũng có cơ hội để các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam tiếp cận, nắm bắt và áp dụng những xu hướng mới, công nghệ và giải pháp tiên tiến từ các nền công nghiệp phát triển. Do vậy, năm 2019 tiếp tục hứa hẹn là một trong những năm phát triển của ngành xây dựng của nước ta chung và tỉnh Hải Dương nói riêng. Nền kinh tế phục hồi, thị trường Bất động sản có sự phục hồi và phát triển trở lại. Đi kèm với điều đó là hoạt động xây dựng sẽ có sự tăng trưởng. Tỉnh Hải Dương tiếp tục phấn đấu để trở thành khu đô thị loại một, các dự án về cơ sở hạ tầng tại Hải Dương có chiều hướng gia tăng cả về số lượng lẫn

tổng giá trị đầu tư. Ngoài ra, Hải Dương và các tỉnh lân cận là các tỉnh có rất nhiều khu công nghiệp, các nhà đầu tư đẩy mạnh đầu tư vào các công nghiệp mở ra rất nhiều cơ hội cho Công ty.

Năm 2019, với những chính sách mới mở cửa thị trường hứa hẹn những nguồn vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài như ODA, FDI sẽ tiếp tục chảy vào Việt Nam, nhất là tại các tỉnh có ưu thế phát triển đặc biệt là các vùng lân cận xung quanh thủ đô Hà Nội. Những nguồn vốn đầu tư này sẽ giúp tăng nhu cầu thi công hạ tầng, sử dụng vật liệu xây dựng trong nước, góp phần giúp thị trường này trở lên sôi động trong những năm tới. Như vậy, trong thời gian tới, các doanh nghiệp cần thúc đẩy sự tin cậy, tăng cường hợp tác và thực hiện tốt những giải pháp đã đề ra. Có như vậy, ngành xây dựng mới phát triển bền vững việc sản xuất, kinh doanh và tạo được vị thế, vươn lên cạnh tranh trong khu vực, cũng như quốc tế.

Ngoài ra, Thị trường bất động sản (BDS) khởi sắc không chỉ mang lại niềm vui cho các doanh nghiệp BĐS mà ngay cả doanh nghiệp xây dựng cũng hưởng lợi. Thậm chí, tốc độ tăng trưởng của các doanh nghiệp xây dựng còn được đánh giá cao hơn cả doanh nghiệp BĐS. Tổng giá trị sản xuất kinh doanh quý I/2018 của 10 doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng là chủ sở hữu hoặc nắm cổ phần chi phối đạt 22.160 tỷ đồng, đạt 21% kế hoạch năm. Trong đó, giá trị xây lắp đạt 6.727 tỷ đồng, đạt 19% kế hoạch; sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng đạt 9.680 tỷ đồng, đạt 22% kế hoạch và lĩnh vực kinh doanh khác (gồm cả bất động sản) đạt 5.420 tỷ đồng, đạt 23% kế hoạch. Trong quý II/2018, hoạt động kinh doanh bất động sản thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký của các dự án được cấp phép mới đạt 4.971,1 triệu USD, chiếm 42,1% tổng vốn đăng ký cấp mới.

Nhận định về triển vọng của ngành xây dựng trong năm 2019, các chuyên gia phân tích cho rằng triển vọng kinh doanh năm 2019 của các doanh nghiệp xây dựng vô cùng lạc quan. Ngành xây dựng sẽ vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng thực trong năm 2018 đạt 9,63% và đạt mức bình quân khoảng 7,8% trong giai đoạn 2018-2021 chủ yếu nhờ vào tăng trưởng đầu tư của khối tư nhân và nước ngoài. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu thị trường BĐS, gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, đặc biệt là nhà ở xã hội; phát triển đa dạng các loại hàng hóa BĐS nhà ở; đẩy mạnh phát triển phân khúc nhà ở xã hội cho thuê; tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy hoạch, chương trình, đề án phát triển vật liệu xây dựng; nâng cao hiệu quả các hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng.

Tuy nhiên, lĩnh vực xây dựng vẫn đối mặt với nhiều thách thức, đầu tiên là lãi vay ngân hàng và cắt giảm đầu tư công. Các dự án hạ tầng hầu như đều phải sử dụng nhiều vốn vay nên khi lãi suất tăng, hiệu quả đầu tư và dòng tiền của dự án cũng như lợi nhuận của chủ đầu tư sẽ giảm. Với các bất cập của hình thức BOT, nhiều doanh nghiệp đang chuyển hướng sang hình thức BT, hay “đổi đất lấy hạ tầng” để thu hồi vốn nhanh và mở rộng quỹ đất trong giai đoạn thị trường BĐS đang hồi phục. Tuy vậy, việc xác định giá trị xây dựng và giá quyền sử dụng đất dễ vướng sự kiểm tra của các cơ quan nhà nước. Những công ty chuyên về xây dựng như HBC, CTD và FCN sẽ có lợi thế nhất định hơn so với các công ty đang tham gia sâu vào mảng đầu tư dự án giao thông như CII, HUT, PPI và LCG. Nhìn chung, đối với ngành xây dựng, nhà đầu tư

cần lựa chọn những công ty có năng lực thi công, danh mục dự án và giá trị hợp đồng ký kết lớn, trong đó ưu tiên các nhà thầu dân dụng có tên tuổi. Riêng với lĩnh vực xây dựng hạ tầng, nên ưu tiên lựa chọn những công ty có các dự án sắp hoàn thành và có thể ghi nhận doanh thu.

c. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Ngành Xây dựng là một ngành quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế và nâng cao đời sống của nhân dân. Với những đóng góp to lớn trong việc giải quyết hàng triệu lao động trong ngành cùng sự thành công, khẳng định vị trí trên thị trường trong nước và quốc tế, ngành Xây dựng Việt Nam đang dần từng bước khẳng định là một ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Đóng góp vào công cuộc phát triển chung đây, Công ty cổ phần Xây dựng 1369 không ngừng đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, thể hiện qua số liệu kim ngạch xuất khẩu, doanh thu và lợi nhuận liên tục tăng qua các năm. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng vào phát triển công nghệ, liên kết đào tạo nguồn nhân lực, triển khai các dự án đầu tư, góp vốn, nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Mục tiêu chiến lược xây dựng Công ty cổ phần Xây dựng 1369 trở thành đơn vị nhà thầu uy tín, có nền tảng tài chính vững mạnh, dần dần khẳng định thương hiệu đối với các chủ đầu tư uy tín và sớm trở thành đơn vị xây dựng lớn của tỉnh Hải Dương.

Với tầm nhìn xa trong hoạt động xây dựng và thương mại, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Cơ cấu lao động tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018

Bảng 10: Cơ cấu lao động tại ngày 31/12/2018

| STT | Trình độ | Số lượng | Tỷ lệ (%) |
|---------|--|----------|-----------|
| 1 | Đại học trở lên | 15 | 17% |
| 2 | Cao đẳng, trung cấp | 4 | 5% |
| 3 | Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông | 69 | 78% |
| Tổng số | | 88 | 100% |

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng 1369

Tổng số lượng lao động hiện tại của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 là 88 người.

Trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý, người lao động: Xuất phát từ đặc thù ngành nghề kinh doanh nên trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên được thể hiện ở nhiều cấp độ khác nhau: từ lao động phổ thông, công nhân kỹ thuật... đến Cao đẳng, Đại học và trên Đại học.

Tùy thuộc vào vị trí công việc đòi hỏi trình độ và năng lực cán bộ, công nhân viên Công ty sắp xếp bố trí nhân sự phù hợp; Đối với cán bộ quản lý từ Trưởng, Phó Phòng Ban phải có trình độ đại học, có chuyên môn nghiệp vụ tốt, có kỹ năng quản lý và điều hành, đồng thời nắm vững các quy định của pháp luật về các lĩnh vực có liên quan.

9.2. Chính sách với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, thực hiện dưới các hình thức sau:

⚡ Chính sách đào tạo, tuyển dụng

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

+ **Đối với lao động trực tiếp:** mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

+ **Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ:** Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa học trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

✚ **Chế độ làm việc**

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 2h. Thực hiện nghỉ vào ngày chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

✚ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

Chính sách lương: Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty và hàng tháng được chi trả một lần vào thời gian từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng Quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền mặt, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch nước ngoài khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Vào các ngày lễ, tết,... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Cổ tức là mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư, người góp vốn vào Công ty. Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty tiến hành trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Khi trả cổ tức, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Cổ tức năm 2016 là 4%, năm 2017 là 6%, Công ty đều trả cổ tức bằng tiền mặt.

11. Tình hình tài chính

a. Các chỉ tiêu cơ bản

✦ Vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 11: Vốn điều lệ qua các năm

| Năm | Vốn điều lệ |
|------|----------------------|
| 2007 | 9.500.000.000 đồng |
| 2010 | 20.000.000.000 đồng |
| 2016 | 50.000.000.000 đồng |
| 2018 | 100.000.000.000 đồng |

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng 1369

✦ Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được lấy từ nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối. Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 qua các năm từ 2016 đến nay có sự gia tăng không đáng kể, chủ yếu do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại. Công ty không huy động thêm nguồn vốn từ cổ đông trong các năm 2015 và 2016. Chi tiết nguồn vốn chủ sở hữu của công ty như sau:

Bảng 12: Tình hình vốn kinh doanh qua các năm

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | 31/12/2018 |
|-----------------------------------|----------------|-----------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 50.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | - | - |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 4.068.070.634 | 6.275.572.481 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, BCTC kiểm toán 2018

↓ Tài sản

Bảng 13: Tình hình tài sản Công ty

| Chỉ tiêu | 2017 | 2018 | 30/06/2019 |
|------------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 98.399.775.621 | 91.895.859.445 | 263.056.379.017 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.542.083.807 | 1.176.412.894 | 2.009.962.150 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 53.164.358.918 | 37.825.603.934 | 87.332.318.102 |
| Hàng tồn kho | 43.015.570.213 | 52.591.398.888 | 171.141.839.218 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 677.762.683 | 302.443.729 | 2.572.259.547 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 42.885.368.874 | 137.179.464.708 | 47.612.234.890 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 | - |
| Tài sản cố định | 30.885.368.874 | 33.010.073.700 | 43.736.220.305 |

| | | | |
|--------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| Tài sản dở dang dài hạn | 0 | 91.674.657.545 | 3.500.000.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 0 | 494.733.463 | 376.014.585 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 141.285.144.495 | 229.075.324.153 | 310.668.613.907 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, BCTC kiểm toán 2018, BCTC bán niên 2019 đã soát xét

✚ Trích khấu hao tài sản cố định

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu, nguyên tắc của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên tắc đường thẳng. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng.

| Tài sản | Số năm |
|---------------------------------|-----------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 04-05 năm |
| Máy móc, thiết bị | 05-20 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06-30 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05-10 năm |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2017

✚ Mức lương bình quân:

Mức lương bình quân của công ty trong năm 2017 là 6.100.000 đồng/người/tháng so với năm 2016 là 6.000.0000 đồng/người/tháng. Như vậy mức lương bình quân tăng 1,6%. Mức lương bình quân này được đánh giá là ở mức tương đối trong ngành.

✚ Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ đến hạn được thanh toán đầy đủ và đúng kỳ hạn theo quy định của pháp luật. Tính đến thời điểm hiện tại, công ty không có khoản nợ nào quá hạn.

✚ Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật, thực hiện nộp đúng và đủ các loại thuế.

Bảng 14: Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/06/2019 |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 3.635.340.184 | 947.382.572 | 78.929.303 |
| Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu | - | | (42.910.308) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.328.963.036 | 1.440.877.392 | 1.066.475.772 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 121.304.126 | 21.304.126 | 21.304.126 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | | |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 40.750.000 | | |
| Tổng | 5.126.357.346 | 2.409.564.090 | 1.166.709.201 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC bán niên 2019 đã soát xét.

Trong quý I năm 2019 Công ty đã nhận định quyết định số 171/QĐ-XPVPHC của Cục thuế tỉnh Hải Dương về việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, theo đó tổng số tiền phạt phải nộp là 316.512.829 đồng; tổng số tiền thuế truy thu là 377.710.483 đồng.

Nguyên nhân do Công ty kê khai thiếu số tiền thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp của năm 2016. Ngay sau khi nhận được quyết định xử lý vi phạm về thuế, Công ty đã thực hiện nộp bổ sung tiền thuế còn thiếu và tiền phạt đầy đủ theo quyết định xử phạt.

✚ Trích lập các quỹ theo luật định:

Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trước khi phân chia cổ tức cho cổ đông, Công ty phải trích lập các Quỹ theo quy định. Việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ quyết định.

Tính đến ngày 31/12/2018, Công ty chưa thực hiện trích lập các quỹ của Công ty.

Năm 2013 và 2014, do lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh bé, quy mô hoạt động còn nhỏ nên lợi nhuận được giữ lại tại khoản mục lợi nhuận chưa phân phối.

Năm 2016 và 2017, 2018 do Công ty đang trong thời kỳ đầu tư và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng quy mô nên Công ty vẫn chưa thực hiện trích các quỹ này. Sang năm 2019, công ty sẽ có kế hoạch trích lập các quỹ.

✚ Tổng dư nợ phải trả của Công ty trong những năm gần nhất:

Công ty không có nợ vay quá hạn tại ngày 31/12/2018.

✚ Vay và nợ ngắn hạn

Bảng 15: Vay và nợ ngắn hạn

Đơn vị tính: VNĐ

| Khoản mục | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/06/2019 |
|------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Nợ ngắn hạn | 41.617.290.115 | 68.180.661.765 | 116.980.387.719 |
| Nợ dài hạn | 5.140.588.000 | 4.830.380.000 | 6.820.008.005 |
| Tổng cộng | 46.757.878.115 | 73.011.041.765 | 123.800.395.724 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, BCTC kiểm toán 2018, BCTC bán niên đã soát xét 2019.

Tình hình công nợ hiện nay:

⚡ Nợ phải thu

Bảng 16: Các khoản nợ phải thu

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/06/2019 |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 48.868.857.860 | 32.354.265.912 | 61.452.482.747 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 2.574.144.164 | 4.682.301.500 | 24.520.980. |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | - | - | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 1.721.356.894 | 789.036.522 | 1.358.854.746 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | - | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 12.000.000.000 | 12.000.000.000 | - |
| Tổng | 65.164.358.918 | 49.825.603.934 | 62.811.337.493 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, 2018, BCTC bán niên 2019 đã soát xét.

⚡ Nợ phải trả

Bảng 17: Các khoản nợ phải trả

| Chỉ tiêu | 31/12/2017 | 31/12/2018 | 30/06/2019 |
|--|-----------------------|------------------------|------------------------|
| I. Nợ ngắn hạn | 82.076.485.861 | 117.969.371.672 | 195.081.160.419 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 22.496.806.327 | 41.101.344.306 | 48.237.502.130 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 8.111.897.010 | 6.273.189.622 | 28.696.561.369 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 5.126.357.346 | 2.409.564.090 | 1.166.709.201 |
| 4. Phải trả người lao động | 4.722.053.000 | - | - |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | - | - | - |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 2.082.063 | 4.611.889 | - |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 41.617.290.115 | 68.180.661.765 | 116.980.387.719 |
| 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 5.140.588.000 | 4.830.380.000 | 6.820.008.005 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 5.140.588.000 | 4.830.380.000 | 6.820.008.005 |
| 2. Dự phòng phải trả dài hạn | - | - | - |
| NỢ PHẢI TRẢ | 87.217.073.861 | 122.799.751.672 | 201.901.168.424 |

Nguồn: BCTC kiểm toán 2017, BCTC kiểm toán 2018, BCTC bán niên 2019 đã soát xét.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2017 | Năm 2018 |
|---|-------------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH) | Lần | 1,20 | 0,78 |

| | | | |
|--|-----|-------|-------|
| - Hệ số thanh toán nhanh (= (TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH) | - | 0,67 | 0,33 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| - Hệ số nợ/tổng tài sản | Lần | 0,62 | 0,54 |
| - Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu | - | 1,61 | 1,16 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho (=Giá VHB/hàng tồn kho bq) | Lần | 3,23 | 3,67 |
| - Doanh thu thuần/Tổng tài sản | - | 1,28 | 0,87 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 2,16% | 2,61% |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH bình quân | - | 7,34% | 6,50% |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS bình quân | - | 2,99% | 2,81% |
| - Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần | - | 2,65% | 2,89% |

Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng 1369

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

a) Hội Đồng Quản Trị.

| STT | Họ và tên | Chức danh | Ghi chú |
|-----|--------------------|-------------------|----------------------------|
| 1 | Ông Lê Minh Tân | Chủ tịch HĐQT | Thành viên điều hành |
| 2 | Ông Vương Anh Tuấn | Phó chủ tịch HĐQT | Thành viên không điều hành |
| 3 | Ông Lê Anh Luân | Thành viên HĐQT | Thành viên không điều hành |

| | | | |
|---|-------------------|-------------------------------|----------------------------|
| 4 | Bà Đào Thị Đàm | Thành viên HĐQT | Thành viên không điều hành |
| 5 | Ông Lê Tuấn Nghĩa | Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc | Thành viên điều hành |

Ông Lê Minh Tân - Chủ tịch HĐQT

| | |
|--------------------------------|--|
| Họ và tên | Lê Minh Tân |
| Số CMTND | 141305753 do CA TP Hải Dương cấp ngày 08/09/2012 |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 18/05/1969 |
| Nơi sinh | Kinh Môn - Hải Dương |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | 38 Dã Tượng, Lê Thanh Nghị, TP.Hải Dương |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | 03203 588 802 |
| Trình độ văn hoá | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư mỏ |
| Quá trình công tác | |
| Từ năm 1986 – năm 1994 | Công nhân tại Nhà máy xi măng Vạn Chánh |
| Từ năm 1995 – năm 2002 | Chủ nhiệm tại Hợp tác xã Tân Sơn |
| Từ năm 2003 – năm 2012 | Chủ tịch HĐQT CTCP Xây dựng 1369 |
| Từ tháng 7/2012- tháng 8/2013 | Chủ tịch HĐQT CTCP Xây dựng 1396; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Toàn Thắng; Giám đốc CTCP Xi măng Phúc Lộc. |
| Từ tháng 9/2013 - tháng 4/2016 | Chủ tịch HĐQT CTCP Xây dựng 1396; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Toàn Thắng; Giám đốc CTCP Xi măng Phúc Lộc; Phó |

| | |
|--|--|
| | TGD CTCP Tập đoàn Phúc Lộc; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Hóa dầu T&T Hải Dương. |
| Từ tháng 5/2016 – nay | Chủ tịch HĐQT CTCP Xây dựng 1369; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Toàn Thắng; Giám đốc CTCP Xi măng Phúc Lộc; Phó TGD CTCP Tập đoàn Phúc Lộc; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Hóa dầu T&T Hải Dương; Giám đốc CTCP Thương mại xuất nhập khẩu T&T |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Toàn Thắng - Giám đốc – CTCP Thương mại xuất nhập khẩu T&T - Phó Tổng Giám đốc - CTCP Tập đoàn Phúc Lộc - Giám đốc - Công ty cổ phần Xi măng Phúc Lộc - Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH Hoá dầu T&T Hải Dương. |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán | Số cổ phần sở hữu cá nhân: 3.100.000 cổ phiếu, tương ứng 31% vốn điều lệ |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan | Em trai: Ông Lê Anh Luân, sở hữu 475.000 cổ phiếu, chiếm 4,75% vốn điều lệ. Anh vợ: Ông Phạm Văn Thụ, sở hữu 50.000 cổ phiếu, chiếm 0,5% vốn điều lệ. |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |

Ông Vương Anh Tuấn – Thành viên HĐQT

| | |
|-----------|--|
| Họ và tên | Vương Anh Tuấn |
| Số CMTND | 030058000043 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 26/10/2017 |
| Giới tính | Nam |

| | |
|----------------------------------|---|
| Ngày tháng năm sinh | 22/04/1958 |
| Nơi sinh | Thôn Mỹ Xá, xã Minh Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | Tổ 3, cụm 4, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội |
| Trình độ văn hoá | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư mỏ |
| Quá trình công tác | |
| Từ tháng 03/1977 – tháng 04/1978 | Bộ đội C9-D12-E48A Bắc Lào (Hạ sỹ) |
| Từ tháng 04/1978 – tháng 01/1987 | Cán bộ xã Minh Tân, Nam Sách, Hải Dương |
| Từ tháng 01/1987 – tháng 10/1988 | Phòng vật tư Xí nghiệp xây lắp thương nghiệp Quảng Ninh |
| Từ tháng 11/1988 – tháng 05/1993 | Cán bộ Xí nghiệp than Hoàn Bồ |
| Từ tháng 6/1993 – tháng 09/1999 | Quản đốc công trường than Công ty than Hạ Long |
| Từ tháng 10/1999 – tháng 04/2003 | Đội trưởng chế biến và tiêu thụ than Công ty Khe Chàm 2 |
| Từ tháng 04/2003 – tháng 06/2005 | Trưởng phòng tổ chức lao động công ty Khe Chàm 2 |
| Từ tháng 06/2005 – tháng 06/2008 | Trưởng phòng Kế hoạch vật tư Công ty Khe Chàm 2 |
| Từ tháng 07/2008 – tháng 03/2009 | Trưởng phòng Kinh doanh công ty Kho vận Hòn Gai |

| | |
|--|---|
| Từ tháng 04/2009 – tháng 11/2016 | Phó giám đốc Công ty Kho vận Hòn Gai |
| Từ tháng 12/2017- nay | - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Hà Nội - Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư thương mại & dịch vụ Quang Việt - Giám đốc Công ty TNHH Toàn Thắng |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Hà Nội - Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư thương mại & dịch vụ Quang Việt - Giám đốc Công ty TNHH Toàn Thắng |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán | không |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan | không |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |

Ông Lê Anh Luân – Thành viên HĐQT

| | |
|---------------------|--|
| Họ và tên | Lê Anh Luân |
| Số CMTND | 141018647 cấp ngày 28/06/2007 tại CA Hải Dương |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 14/04/1974 |
| Nơi sinh | Phú Thù, Kinh Môn, Hải Dương |
| Quốc tịch | Việt Nam |

| | |
|--|---|
| Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | Phú Thù, Kinh Môn, Hải Dương |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | 052.399.5919 |
| Trình độ văn hoá | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác | |
| Từ năm 1990 – năm 1997 | Học tại trường Đại học Kinh tế quốc dân (Hà Nội) |
| Từ năm 1990 – năm 2005 | Kinh doanh tự do |
| Từ năm 2006 – năm 2010 | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Xây dựng 1369 |
| Từ năm 2011 – năm 2013 | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Xây dựng 1369; Giám đốc Chi nhánh CTCP Xây dựng Đông Hải Quảng Ninh – Xí nghiệp đá Thống Nhất. |
| Từ năm 2014 – 25/03/2019 | Thành viên HĐQT kiêm giám đốc CTCP Xây dựng 1369; Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất vật liệu xây dựng Phúc Thịnh. |
| Từ 26/03/2019 cho đến nay | Thành viên HĐQT CTCP Xây dựng 1369; Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất vật liệu xây dựng Phúc Thịnh |
| Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành | Thành viên Hội đồng quản trị |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác | Giám đốc CTCP Đầu tư và Sản xuất vật liệu xây dựng Phúc Thịnh |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán | Số cổ phần sở hữu cá nhân: 475.000 cổ phiếu, chiếm 5% vốn điều lệ Số cổ phần sở hữu đại diện: Không có |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan | Anh Trai: Ông Lê Minh Tân, sở hữu 3.100.000 cổ phiếu, chiếm 31% vốn điều lệ. |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |

| | |
|---|-------|
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |

Bà Đào Thị Đàm – Thành viên HĐQT

| | |
|-------------------------------|---|
| Họ và tên | Đào Thị Đàm |
| Số CMTND | 141504175 cấp ngày 01/08/2006 tại CA TP Hải Dương |
| Giới tính | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | 04/03/1964 |
| Nơi sinh | Từ Mạc - Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | Từ Mạc - Minh Tân - Kinh Môn - Hải Dương |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | 03203882243 |
| Trình độ văn hoá | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | Trung cấp tài chính – Kế toán |
| Quá trình công tác | |
| Từ năm 1982 – năm 1997 | Công nhân CTCP Cao Lanh Hải Dương |
| Từ năm 1998 – năm 2006 | Phó Giám đốc Công ty TNHH Thương và vận tải Thành Công |
| Từ năm 2007 – 2015 | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và vận tải Trường Thành; Thành viên HĐQT CTCP Xi măng Quảng Ninh; Chủ tịch HĐQT CTCP Cao Lanh Hải Dương |
| Từ năm 2016 – nay | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và vận tải Trường Thành; Phó chủ tịch HĐQT CTCP Xi măng Quảng Ninh; |

| | |
|--|---|
| | Phó chủ tịch HĐQT CTCP Cao Lanh Hải Dương; Thành viên HĐQT CTCP Xây dựng 1369. |
| Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác | - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thương mại vận tải Trường Thành - Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Xi măng và xây dựng Quảng Ninh - Phó chủ tịch HĐQT CTCP Cao Lanh Hải Dương. |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán | Số cổ phần sở hữu cá nhân: 1.050.000 cổ phiếu, chiếm 10,5% Vốn Điều lệ Số cổ phần sở hữu đại diện: không. |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |

Ông Lê Tuấn Nghĩa – Tổng Giám đốc

| | |
|---------------------|---|
| Họ và tên | Lê Tuấn Nghĩa |
| Số CMTND | 142753339 cấp ngày 21/09/2010 tại Hải Dương |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 01/06/1995 |
| Nơi sinh | Kinh Môn – Hải Dương |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |

| | |
|--|--|
| Địa chỉ thường trú | Số 38 Dã Tượng, P.Lê Thanh Nghị, TP.Hải Dương |
| Điện thoại liên lạc ở Cơ quan | 0320.3891898 |
| Trình độ văn hoá | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Marketing- Trường đại học công nghệ Sydney |
| Quá trình công tác | |
| Từ năm 2019 | Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng 1369 |
| Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành | Tổng Giám đốc Công ty |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Không |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán | Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không có |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan | Bố: Ông Lê Minh Tân, sở hữu 3.100.000 cổ phiếu, chiếm 31% vốn điều lệ. |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |

b) Ban Kiểm Soát

| STT | Họ và tên | Chức danh |
|-----|--------------------|--------------------------|
| 1 | Bà Vũ Thị Hồng Vân | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2 | Bà Cao Hà Linh | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 3 | Bà Phạm Thị Doan | Thành viên Ban Kiểm soát |

Bà Vũ Thị Hồng Vân - Trưởng Ban kiểm soát

| | |
|---------------------------------|---|
| Họ và tên | Vũ Thị Hồng Vân |
| Số CMTND | 141459222 cấp ngày 29/04/2011 tại Công an tỉnh Hải Dương |
| Giới tính | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | 16/07/1972 |
| Nơi sinh | Tân Hồng, Bình Giang, Hải Dương |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | TT Minh Tân, Kinh Môn, Hải Dương |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | 0906.072.369 |
| Trình độ văn hoá | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế chuyên ngành: tài chính, kế toán |
| Quá trình công tác | |
| Từ tháng 07/1992 – 06/1993 | Nhân viên phòng TT KQ ngân hàng Công thương - CN Hải Dương |
| Từ tháng 07/1993- 12/2013 | Nhân viên phòng tín dụng ngân hàng công thương – CN Nhị Chiểu |
| Từ tháng 12/2013- 06/2014 | Trưởng phòng giao dịch Kinh Môn phụ trách kế toán, tín dụng |
| Từ tháng 07/2014- 11/2015 | PP khách hàng doanh nghiệp |
| Từ tháng 11/2015- 07/2016 | PP giao dịch Minh Tân phụ trách kế toán |
| Từ tháng 07/2016- 09/2017 | PP Tổng hợp phụ trách kế toán, tín dụng |
| Từ tháng 10/2017- tháng 03/2019 | Kế toán trưởng tại CTCP Nam Hà Nội |
| Từ tháng 04/2019 đến nay | Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 |

| | |
|--|--|
| Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành | Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | không. |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán | Không có |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |

Bà Phạm Thị Doan - Thành viên Ban Kiểm soát

| | |
|-------------------------------|--|
| Họ và tên | Phạm Thị Doan |
| Số CMTND | 142159421 cấp ngày 04/01/2012 tại CA Hải Dương |
| Giới tính | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | 01/06/1986 |
| Nơi sinh | Lạc Thượng, Thống Kênh, Gia Lộc, Hải Dương |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | Lạc Thượng, Thống Kênh, Gia Lộc, Hải Dương |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | 03203882243 |
| Trình độ văn hoá | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế |

| | |
|--|--|
| Quá trình công tác | |
| Từ tháng 06/2008 – tháng 12/2015 | Kế toán tại CTCP Xây dựng 1369 |
| Từ tháng 01/2016 – tháng 05/2016 | Kế toán viên tại CTCP Cao Lanh Hải Dương |
| Từ tháng 06/2016 - nay | Kế toán viên tại CTCP Cao Lanh Hải Dương, Thành viên ban kiểm soát CTCP Xây dựng 1369 |
| Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành | Thành viên Ban kiểm soát |
| Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác | Kế toán viên tại Công ty cổ phần Cao Lanh Hải Dương. |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán | Số cổ phần sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ Số cổ phần sở hữu đại diện: Không có |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |

Bà Cao Hà Linh - Thành viên Ban Kiểm soát

| | |
|---------------------|---|
| Họ và tên | Cao Hà Linh |
| Số CMTND | 013216040 cấp ngày 26/06/2009 tại CA Hà Nội |
| Giới tính | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | 25/10/1965 |

| | |
|--|---|
| Nơi sinh | Hà Nội, Việt Nam |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | Số nhà 318, Nguyễn Lương Bằng, phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương |
| Điện thoại liên lạc ở Cơ quan | 03203882243 |
| Trình độ văn hoá | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế |
| Quá trình công tác | |
| Từ tháng 06/2014 – tháng 05/2016 | Kế toán tại Công ty TNHH Toàn Thắng |
| Từ tháng 06/2016 - nay | Kế toán tại Công ty TNHH Toàn Thắng, Thành viên ban kiểm soát CTCP Xây dựng 1369 |
| Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành | Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Kế toán Công ty TNHH Toàn Thắng |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán | Số cổ phần sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ. Số cổ phần sở hữu đại diện: Không có |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan | Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không có Số cổ phần sở hữu đại diện: Không có |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi | Không |

| | |
|-------------|--|
| ích Công ty | |
|-------------|--|

c) Ban Giám Đốc

| STT | Họ và tên | Chức danh |
|-----|--------------------|-------------------|
| 1 | Ông Lê Tuấn Nghĩa | Tổng Giám đốc |
| 2 | Bà Phạm Thị Thế | Phó tổng Giám đốc |
| 3 | Ông Phạm Văn Tùng | Phó tổng Giám đốc |
| 4 | Bà Phạm Thị Mến | Phó tổng Giám đốc |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Thúy | Phó tổng Giám đốc |
| 6 | Bà Trần Thị Tuyết | Kế toán trưởng |

Ông Lê Tuấn Nghĩa – Tổng Giám đốc (đã được nêu tại mục HĐQT)**Bà Phạm Thị Thế – Phó tổng giám đốc**

| | |
|-------------------------------|---|
| Họ và tên | Phạm Thị Thế |
| Số CMTND | 141479076 cấp ngày 26/10/2005 tại Hải Dương |
| Giới tính | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | 25/06/1972 |
| Nơi sinh | Đức Xương – Gia Lộc – Hải Dương |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | Thị trấn Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương |
| Điện thoại liên lạc ở Cơ quan | 03203 588 801 |
| Trình độ văn hoá | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sĩ kinh tế |

| | |
|--|--|
| Quá trình công tác | |
| Từ năm 1992 – năm 1993 | Kế toán tại Ngân hàng Công thương Hải Dương |
| Từ năm 1994 – năm 1999 | Cán bộ tín dụng tại Ngân hàng Công thương chi nhánh Nhị Chiểu – Hải Dương |
| Từ năm 2000 – năm 2007 | Phó phòng tín dụng tại Ngân hàng Công thương chi nhánh Nhị Chiểu – Hải Dương |
| Từ năm 2008 – năm 2010 | Trưởng phòng khách hàng cá nhân Tại Ngân hàng Công thương chi nhánh Nhị Chiểu – Hải Dương |
| Từ năm 2011 – năm 2012 | Trưởng phòng kiểm tra, kiểm soát tại Ngân hàng Công thương chi nhánh Nhị Chiểu – Hải Dương |
| Từ tháng 07/2012 – tháng 08/2013 | Trưởng phòng giao dịch số 2 tại Ngân hàng công thương Khu công nghiệp Hải Dương |
| Từ tháng 09/2013 – tháng 12/2014 | Giám đốc Công ty TNHH Toàn Thắng |
| Từ tháng 12/2014 – 04/2019 | Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sứ Hải Dương; Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng 1369 |
| Từ tháng 04/2019 đến nay | Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Sứ Hải Dương; Phó tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng 1369 |
| Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành | Phó Tổng Giám đốc Công ty |
| Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác | Tổng Giám đốc – Công ty cổ phần sứ Hải Dương |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán | Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không có |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan | Chồng: Ông Lê Minh Tân, sở hữu 3.100.000 cổ phiếu, chiếm 31% vốn điều lệ. Anh trai: Ông Phạm Văn Thụ, sở hữu 50.000 cổ phiếu, chiếm 0,5% vốn điều lệ. |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |

| | |
|---|-------|
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |

Ông Phạm Văn Tùng – Phó tổng giám đốc

| | |
|-------------------------------|---|
| Họ và tên | Phạm Văn Tùng |
| Số CMTND | 141990092 cấp ngày 07/02/2012 tại CA Hải Dương. |
| Giới tính | Nam |
| Ngày tháng năm sinh | 11/05/1983 |
| Nơi sinh | Đức Xương, Gia Lộc, Hải Dương |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Địa chỉ thường trú | Đức Xương, Gia Lộc, Hải Dương |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | 03203 588 809 |
| Trình độ văn hoá | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư xây dựng |
| Quá trình công tác | |
| Từ năm 2006 - 2008 | Nhân viên Kỹ thuật Công ty TNHH Hồng Minh |
| Từ năm 2009 – năm 2010 | Nhân viên kỹ thuật Công ty 129 – Ban cơ yếu Chính phủ |
| Từ năm 2011 – năm 2013 | Nhân viên kỹ thuật CTCP Tập đoàn Phúc Lộc |
| Từ năm 2014 - năm 2015 | Nhân viên kỹ thuật CTCP Xây dựng 1369 |
| Từ năm 2016 – 04/2019 | Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng 1369 |
| Từ tháng 04/2019- nay | Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng 1369 |
| Chức vụ công tác hiện nay tại | Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng 1369 |

| | |
|--|---|
| tổ chức phát hành | |
| Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác | Không |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán | Số cổ phần sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ. Sở hữu đại diện: Không có |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |

Bà Phạm Thị Mến- Phó tổng giám đốc

| | |
|-------------------------------|--|
| Họ và tên | Phạm Thị Mến |
| Số CMTND | 140528319 cấp ngày 19/05/2011 tại CA Hải Dương |
| Giới tính | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | 1963 |
| Nơi sinh | Đức Xương- Gia Lộc-Hải Dương |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Đức Xương- Gia Lộc-Hải Dương |
| Địa chỉ thường trú | 677 Lê Thanh Nghị -Tp hải Dương- T. Hải Dương |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | 02203.891898 |
| Trình độ văn hoá | 12/12 |

| | |
|--|---|
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế |
| Quá trình công tác | |
| Từ tháng 12/1981- 12/1985 | Cán bộ Ngân hàng Nhà nước huyện Ninh Thanh- Hải Hưng |
| Từ tháng 01/1986- 02/2003 | Cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Gia Lộc- Hải Dương |
| Từ tháng 03/2003- 02/2018 | Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện Gia Lộc-Hải Dương |
| Từ tháng 03/2018- 04/2019 | Phó giám đốc Công ty cổ phần xây dựng 1369 |
| Tháng 05 - 2019 đến nay | Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng 1369 |
| Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành | Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng 1369 |
| Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức khác | Không |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán | Không |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |

Bà Nguyễn Thị Thuý – Phó tổng giám đốc

| | |
|---------------------|--|
| Họ và tên | Nguyễn Thị Thuý |
| Số CMTND | 142118355 cấp ngày 31/10/2008 tại CA Hải Dương |
| Giới tính | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | 30/01/1985 |

| | |
|---|---|
| Nơi sinh | TT Minh Tân-Kinh Môn-Hải dương |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | TT Minh Tân - Kinh Môn-Hải dương |
| Địa chỉ thường trú | 120A Quang Trung - Phường Quang Trung- TP Hải Dương |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | 02203 588 809 |
| Trình độ văn hoá | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế |
| Quá trình công tác | |
| Từ tháng 09/2007–09/2007 | Cán bộ tín dụng-Ngân hàng nông nghiệp PT nông thôn huyện Kinh Môn |
| Từ tháng 10/2007-06/2011 | Cán bộ tín dụng- Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam-Chi nhánh Nhị Chiểu |
| Từ tháng 06/2011-06/2016 | Tổ trưởng KHDN lớn -Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam-Chi nhánh Nhị Chiểu |
| Từ tháng 06/2016-03/2018 | Quản lý khách hàng- Ngân hàng TMCP Quốc tế VN- Chi nhánh Hải Dương. |
| Tháng 04 - 2018 -06/2019 | Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần xây dựng 1369 |
| Tháng 06 – 2019 đến nay | Phó giám Công ty Cổ phần xây dựng 1369 |
| Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành | Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng 1369 |
| Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức khác | Không |

| | |
|--|---|
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán | Số cổ phần sở hữu cá nhân: không có Số cổ phần sở hữu đại diện: Không có |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |

Bà Trần Thị Tuyết-Kế toán trưởng

| | |
|-------------------------------|--|
| Họ và tên | Trần Thị Tuyết |
| Số CMTND | 142243825 cấp ngày 05/05/2008 tại CA Hải Dương |
| Giới tính | Nữ |
| Ngày tháng năm sinh | 04/11/1986 |
| Nơi sinh | xã Minh Đức, Tứ Kỳ, Hải Dương |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | xã Minh Đức, Tứ Kỳ, Hải Dương |
| Địa chỉ thường trú | My Cầu, Tân Hồng, Bình Giang, Hải Dương |
| Điện thoại liên lạc ở cơ quan | 02203 588 809 |
| Trình độ văn hoá | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế |
| Quá trình công tác | |
| Từ tháng 06/2008-07/2009 | Kế toán tổng hợp Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đắc Phúc |

| | |
|--|---|
| Tháng 07/2009-08/2011 | Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần thương mại Hà Anh |
| Tháng 9/2011-08/2016 | Kế toán trưởng Công ty Cổ phần thương mại Hà Anh |
| Tháng 08/2016-05/2019 | Kế toán trưởng Công ty Cổ phần thương mại Hà Anh, phụ trách kế toán Công ty cổ phần Đá Mài số 1 Hải Dương |
| Tháng 06 – 2019 đến nay | Kế toán trưởng Công ty Cổ phần xây dựng 1369 |
| Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành | Kế toán trưởng Công ty Cổ phần xây dựng 1369 |
| Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức khác | Không |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán | Số cổ phần sở hữu cá nhân: không có Số cổ phần sở hữu đại diện: Không có |
| Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |

c. Tài sản

Bảng 19: Danh sách giá trị tài sản Công ty tại thời điểm 30/06/2019

Đơn vị tính: đồng

| STT | Chi tiêu | Nguyên giá | Giá trị còn lại | % GTCL/NG |
|-----|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------|
| I | Tài sản cố định hữu hình | 42.383.462.752 | 29.782.084.691 | 70,27 |
| | Nhà cửa, vật kiến trúc | 2.448.242.463 | 2.009.834.451 | 82,09 |
| | Máy Móc thiết bị | 23.646.872.109 | 15.790.894.340 | 66,78 |
| | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 16.288.348.180 | 11.981.355.900 | 73,56 |
| II | Tài sản cố định thuê tài chính | 14.902.686.365 | 13.954.135.614 | 93,64 |
| | Tổng cộng | 57.286.149.117 | 43.736.220.305 | 76,35 |

Nguồn: BCTC tổng hợp đã soát xét cho giai đoạn 01/01/2019-30/06/2019

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 20: Kế hoạch Doanh thu và Lợi nhuận năm 2019

Đơn vị tính: đồng

| Chi tiêu | Kế hoạch năm 2019(*) | Tỷ lệ tăng giảm so với 2018(%) |
|---|----------------------|-----------------------------------|
| Vốn góp của chủ sở hữu | 150.000.000.000 | 50% |
| Doanh số thuần | 380.000.000.000 | 52% |
| Lợi nhuận sau thuế | 10.000.000.000 | 32% |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/DTT | 3% | 0% |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn góp của chủ sở hữu | 7% | 0% |
| Cổ tức | 6% | 0% |

Nguồn: Tài liệu đại hội cổ đông thường niên năm 2019

(*) Kế hoạch 2019 đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Căn cứ để đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2019:

Trên cơ sở nhận định những thuận lợi - khó khăn chung của nền kinh tế, cùng với thực trạng hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369, Ban Giám đốc điều hành Công ty trình Đại hội cổ đông kế hoạch kinh doanh năm 2019 với các giải pháp triển khai tích cực, cụ thể như sau:

- Chăm sóc tốt các khách hàng hiện tại, tìm kiếm và phát triển mạng lưới khách hàng mới
- Tăng cường quản trị công ty

Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, công ty sẽ triển khai xây dựng các quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và Điều lệ Công ty ban hành. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty. Quy chế quản trị cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369. Các nguyên tắc quản trị công ty được công ty xây dựng trong quy chế quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông ;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi như kế hoạch, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Cổ phiếu công ty Xây dựng 1369 hiện đang được giao dịch trên sàn HNX, mã chứng khoán C69. Toàn bộ số lượng cổ phiếu chào bán thành công sẽ được đăng ký tập trung tại Trung

tâm Lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngay sau khi hoàn thành phát hành theo quy định pháp luật hiện hành.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành:

Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán:

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN:**1. Cổ phiếu chào bán ra công chúng thông qua hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu****1.1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

1.2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu phát hành là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần).

1.3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 5.000.000 cổ phiếu.

1.4. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu.

1.5. Phương pháp tính giá

Giá chào bán được xác định trên cơ sở so sánh với giá trị sổ sách, giá trị thị trường của cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 và khuyến khích cổ đông hiện hữu tiếp tục đầu tư phát triển dự án cùng Công ty:

- Giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Công ty CP Xây dựng 1369 theo báo cáo tài chính đã kiểm toán tại 31/12/2017 là 10.814 đồng/cổ phiếu:

$$\text{Giá trị sổ sách mỗi cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đã lưu hành}}$$

$$\text{Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (31/12/2017)} = \frac{54.068.070.634}{5.000.000} = 10.814 \text{ đồng/CP}$$

So sánh giá phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là 10.000 VNĐ/cổ phiếu thì bằng 108,14% so với giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2017.

- Giá thị trường:

Ngày 11/04/2018, cổ phiếu C69 có giá thị trường giao dịch đóng cửa ở mức 5.500 VNĐ/cổ phiếu, bằng 55% so với giá cổ phiếu phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

Theo đánh giá quyết định, giá phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

1.6. Phương thức phân phối

Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và các thành viên lưu ký.

Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở Công ty cổ phần Xây dựng 1369. Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được công ty công bố tới tất cả các cổ đông trong vòng 07 ngày kể từ ngày Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

1.7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phần cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép chào bán.

Sau khi nhận được Quyết định chấp thuận phương án phát hành của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước. Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 dự kiến thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu như sau:

| STT | Hạng mục | Thời gian |
|-----|--|-----------|
| 1 | Ủy ban Chứng khoán cấp giấy chứng nhận phát hành | D |
| 2 | Công bố thông tin phát hành | D+3 |
| 3 | Thông báo VSD về ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành thêm | D+ 1 |
| 4 | Chốt danh sách cổ đông | D+ 14 |
| 5 | VSD gửi danh sách chốt cho Công ty (Danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu) | D+ 20 |
| 6 | Công ty gửi công văn chấp thuận cho VSD | D + 21 |
| 7 | Các cổ đông thực hiện đăng ý mua, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu: <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông đã lưu ký: nộp tiền thông qua Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản. - Cổ đông chưa lưu ký: nộp tiền vào tài khoản của C69 | D + 45 |
| 8 | Báo cáo kết quả phát hành lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước trên cơ sở danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu | D + 50 |

| | | |
|----|--|--------|
| 9 | Thực hiện thay đổi Đăng ký kinh doanh | D + 55 |
| 10 | Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung cho HNX | D + 60 |
| 11 | Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung cho VSD | D + 60 |
| 12 | Quyết định chấp thuận niêm yết bổ sung | D + 70 |
| 13 | Công ty chọn ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu niêm yết bổ sung | |

Bước 1: Thông báo quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu

Công ty phối hợp thực hiện chốt danh sách cổ đông với TTLKCKVN để lập danh sách người sở hữu cuối cùng đồng thời công bố thông tin về đợt phát hành trực tiếp tới các cổ đông trên phương tiện thông tin đại chúng. Sau ngày chốt danh sách cổ đông, Công ty phối hợp với TTLKCKVN phân bổ và thông báo quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn thành viên chưa thực hiện lưu ký chứng khoán.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu

Trên cơ sở Danh sách phân bổ quyền mua cổ phần do TTLKCKVN cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức cho các cổ đông đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại Công ty.

Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỷ lệ quy định, thời gian cụ thể trên thông báo phát hành.

Bước 3: Kết thúc thời hạn thực hiện quyền

Chậm nhất 08 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền, TTLKCKVN gửi Danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua chứng khoán phát hành thêm đối với chứng khoán lưu ký cho Công ty và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa mà Công ty đã thông báo.

Bước 4: Phân phối chứng khoán

Kế hoạch phân phối chi tiết trong bảng kế hoạch trên.

Bước 5: Thông báo kết quả đợt phát hành

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, Công ty tiến hành báo cáo kết quả tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1.8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn:

Theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

▪ Đăng ký mua cổ phiếu:

Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở TVLK nào sẽ đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phần tại TVLK đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Xây dựng 1369, Địa chỉ: Số 37,38 Phố Dã Tượng, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương và nộp tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa.

▪ Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: không có.

1.9. Phương thức thực hiện quyền

Đối với cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:

Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 tại ngày chốt danh sách để chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu 02 cổ phần sẽ được 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua thì sẽ được mua 01 cổ phần mới, số cổ phần được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 125 cổ phiếu, cổ đông A sẽ được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm được tính như sau: $125 : 02 \times 01 = 62,5$ cổ phiếu; Vậy cổ đông Nguyễn Văn A sẽ được quyền mua 62 cổ phiếu mới (cổ phiếu lẻ 0,5 sẽ bị hủy).

1.10. Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu không chào bán hết và số cổ phiếu lẻ phát sinh

Trong trường hợp những cổ đông không đăng ký quyền mua cả phần theo tỷ lệ trên thì ĐHCĐ ủy quyền HĐQT chào bán số lượng cổ phần đó cho nhà đầu tư khác với giá là: 10.000 đồng/cổ phần, số cổ phần phát sinh này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán

Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn từ việc phân phối cho các cổ đông không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư 162/2015/TT-BTC.

Cổ phiếu phân phối lại cho các đối tượng khác do không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

Trường hợp nhà đầu tư (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị) mua lại cổ phần phát sinh theo phương án phát hành này dẫn tới việc sở hữu tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết vượt quá tỷ lệ phải chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

2. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Căn cứ các ngành nghề kinh doanh của Công ty được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo địa chỉ:

<https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn/inf/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=1836>, Công ty đã thực hiện rà soát với danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong Phụ lục 4 – Luật đầu tư năm 2014. Theo đó Công ty tiếp tục thực hiện đối chiếu với dữ liệu tại Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo địa chỉ: <https://dautunuocngoai.gov.vn/fdi/nganhnghedautu/6> để xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài áp dụng đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh mà Công ty đang hoạt động theo quy định pháp luật đầu tư, pháp luật liên quan và điều ước quốc tế.

Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì Công ty áp dụng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49% theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP về bổ sung Điều 2a sau Điều 2 của Nghị định 58/2012, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Công ty như sau:

| Tên ngành nghề kinh doanh | Mã ngành nghề kinh doanh | Ngành nghề có điều kiện | Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan | Giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài áp dụng |
|---|--------------------------|-------------------------|--|---|
| Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế cấp thoát nước - môi trường nước trong quy hoạch xây dựng; thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp; khảo sát địa chất công trình; giám sát thi công xây dựng công trình giao thông; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: dân dụng công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật. | 7110 (Chính) | Có | 49% | 49% |
| Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Quản lý dự án và tư vấn quản lý dự án | 7020 | Có | 49% | 49% |
| Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao | 2394 | Không | 100% | 100% |

| | | | | |
|--|------|-------|------|------|
| Chi tiết: Sản xuất vôi | | | | |
| Điều hành tua du lịch 1 | 7912 | Có | 49% | 49% |
| Đại lý du lịch | 7911 | Có | 49% | 49% |
| Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 | Có | 49% | 49% |
| Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản (chỉ hoạt động theo chứng chỉ hành nghề của người đại diện theo pháp luật); Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản. | 6820 | Không | 100% | 100% |
| Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ | 5510 | Có | 49% | 49% |
| Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa | 5022 | Có | 49% | 49% |
| Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 | Có | 49% | 49% |
| Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh, theo hợp đồng | 4932 | Có | 49% | 49% |
| Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ gia sản xuất xi măng; Bán buôn khoáng sản đá đã qua chế biến | 4669 | Không | 100% | 100% |
| Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi | 4931 | Có | 49% | 49% |
| Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 | Không | 100% | 100% |

1 Theo FDI: Là ngành nghề KD có điều kiện (xếp vào ngành dịch vụ du lịch): quy định tỉ lệ sở hữu nước ngoài là 49%

Còn theo Bảng Phụ lục hoạt động Điều hành tua Du lịch xếp vào ngành nghề KD không điều kiện, không quy định tỉ lệ đầu tư nước ngoài

| | | | | |
|---|------|-------|------|------|
| Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép | 4662 | Không | 100% | 100% |
| Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than, các sản phẩm từ than | 4661 | Không | 100% | 100% |
| Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, máy sản xuất vật liệu xây dựng | 4659 | Không | 100% | 100% |
| Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt | 4632 | Không | 100% | 100% |
| Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý bán xăng, dầu, mỡ, nhớt, khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) | 4610 | Có | 49% | 49% |
| Đại lý ô tô và xe có động cơ khác | 4513 | Không | 100% | 100% |
| Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) | 4512 | Có | 49% | 49% |
| Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác | 4511 | Không | 100% | 100% |
| Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp | 3320 | Không | 100% | 100% |
| Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) | 3315 | Không | 100% | 100% |
| Sửa chữa máy móc, thiết bị | 3312 | Không | 100% | 100% |
| Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất than tổ ong | 3290 | Không | 100% | 100% |
| Đóng tàu và cấu kiện nổi | 3011 | Có | 49% | 49% |
| Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại | 2592 | Không | 100% | 100% |
| Sản xuất các cấu kiện kim loại | 2511 | Không | 100% | 100% |
| Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Sả | 2392 | Không | 100% | 100% |

| | | | | |
|---|------|-------|------|------|
| Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác, chế biến đá, đất sét | 0810 | Không | 100% | 100% |
| Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất công trình xây dựng | 4330 | Có | 49% | 49% |
| Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt kết cấu thép | 4329 | Không | 100% | 100% |
| Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí | 4322 | Không | 100% | 100% |
| Lắp đặt hệ thống điện | 4321 | Không | 100% | 100% |
| Chuẩn bị mặt bằng | 4312 | Không | 100% | 100% |
| Phá dỡ 2 | 4311 | Có | 49% | 49% |
| Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi | 4290 | Không | 100% | 100% |
| Xây dựng công trình công ích | 4220 | Không | 100% | 100% |
| Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ | 4210 | Không | 100% | 100% |
| Xây dựng nhà các loại | 4100 | Có | 49% | 49% |

2 Theo FDI: Phá dỡ được cho vào mục Thi công công trình xây dựng, là ngành nghề KD có điều kiện với tỉ lệ đầu tư nước ngoài quy định là 49%

Còn theo Bảng Phụ lục, Phá dỡ là ngành nghề KD không điều kiện, không quy định tỉ lệ đầu tư nước ngoài

Vậy, căn cứ quy định của Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP về bổ sung Điều 2a sau Điều 2 của Nghị định 58/2012, mức tỷ lệ sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài áp dụng với Công ty tối đa là 49%. Theo danh sách cổ đông gần nhất ngày 12/04/2017 của công ty, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 9.100 cổ phiếu tương ứng với 0,091% vốn điều lệ. Công ty cam kết việc phân phối cổ phiếu của đợt phát hành tăng vốn năm 2017 không làm vượt quá tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Nhà đầu tư nước ngoài tại công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các hạn chế liên quan đến chuyển nhượng

Cổ phiếu phân phối lại cho các đối tượng khác do không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

4. Các loại thuế liên quan

Các loại thuế liên quan đến hoạt động của Công ty bao gồm các loại:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (20%)
- Thuế Giá trị gia tăng: thuế suất thuế GTGT là 10%

5. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Xây dựng 1369

Ngân hàng: BIDV- Chi nhánh Thành Đông Hải Dương

Số tài khoản (VND): 46810001467087

6. Các cam kết liên quan đến đợt phát hành

Công ty cam kết phân phối cổ phiếu phát hành thêm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 189 Luật doanh nghiệp 2014.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Đầu tư cho dự án Khu dân cư thôn Cả Đông Côi, Thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh.

2. Phương án khả thi

- Dự án : Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Cả Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành.
- Địa điểm: Thôn Cả Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần xây dựng 1369.
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2018-2019
- Nội dung, quy mô đầu tư: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Cả Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành xây dựng trên khu đất có diện tích khoảng 8,52 ha (đã được giải phóng mặt bằng), gồm: San nền đường giao thông nội bộ, cấp, thoát nước, thoát nước thải, cấp điện, điện chiếu sáng, hệ thống hào, cống cấp kỹ thuật, vườn hoa, cây xanh.

Giá trị dự toán xây dựng của dự án: 78.734.496.000 đồng

(Bằng chữ: Bảy mươi tám tỷ, bảy trăm ba mươi tư triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng). (Theo Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Cả Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Quyết định này thay thế cho quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Cả Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành)

Cụ thể:

| STT | Nội dung | Tổng mức đầu tư (bao gồm thuế VAT) | Đơn vị tính | Ghi chú |
|-----|------------------------|------------------------------------|-------------|---------|
| 1 | Chi phí xây dựng | 63.943.040.000 | Đồng | |
| 2 | Chi phí thiết bị | 3.469.063.000 | Đồng | |
| 3 | Chi phí quản lý dự án | 1.366.255.000 | Đồng | |
| 4 | Chi phí tư vấn | 2.963.584.000 | Đồng | |
| 5 | Chi phí khác | 3.243.288.000 | Đồng | |
| 6 | Chi phí dự phòng (10%) | 3.749.266.000 | Đồng | |
| | Tổng cộng | 78.734.496.000 | Đồng | |

- Hình thức thực hiện dự án: Công ty thực hiện giao thầu 02 gói thầu chính cho các nhà thầu, bao gồm:

+Gói thầu số 01:

- Trị giá gói thầu: **63.408.350.000 đồng.**

(*Bằng chữ: Sáu mươi ba tỷ, bốn trăm linh tám triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*)

- Đơn vị nhận thầu: Công ty THHH MTV xử lý bom, mìn vật nổ 319
- Nội dung: Thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thôn Cả Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
- Bảng phụ lục chi tiết gói thầu:

| STT | Nội dung chi phí | Giá trị sau thuế (VND) |
|----------|-------------------------|------------------------|
| I | CHI PHÍ XÂY DỰNG | 63.140.005.079 |
| 1 | San nền | 13.768.214.126 |
| 2 | Cây xanh | 2.561.328.833 |
| 3 | Giao thông | 20.452.260.592 |
| 4 | Hào kỹ thuật | 5.124.663.729 |
| 5 | Cấp nước | 812.431.802 |
| 6 | Thoát nước mưa | 9.561.934.626 |
| 8 | Hồ điều hòa | 420.615.935 |
| 9 | Điện chiếu sáng | 3.094.140.663 |
| 10 | Cấp điện phần xây dựng | 53.450.215 |

| | | |
|------------|--------------------------------|-----------------------|
| 11 | Cấp điện phần lắp đặt | 7.290.964.558 |
| II | CHI PHÍ HẠNG MỤC CHUNG | 1.894.200.152 |
| III | TỔNG CỘNG (I+II) | 65.034.205.231 |
| IV | GIẢM GIÁ 2,5% | 1.625.855.131 |
| V | TỔNG GIÁ TRỊ (Làm tròn) | 63.408.350.000 |

+Gói thầu số 02:

- Trị giá gói thầu: 4.234.800.000 đồng
(bốn tỷ hai trăm ba tư triệu, tám trăm nghìn đồng)
- Đơn vị nhận thầu : Công ty cổ phần Đông Đô
- Nội dung: Thi công lắp đặt trạm biến áp và đấu nối cấp điện dự án.

| STT | Nội dung chi phí | Giá trị sau thuế (VND) |
|------------|--|------------------------|
| I | CHI PHÍ XÂY DỰNG | 792.610.065 |
| 1 | Tuyến cáp ngầm trung thế- Phần lắp đặt | 590.525.288 |
| 2 | Tuyến cáp ngầm trung thế- Phần thí nghiệm | 2.405.857 |
| 3 | Trạm biến áp phần xây dựng | 42.795.583 |
| 4 | Trạm biến áp phần lắp đặt | 150.119.161 |
| 5 | Trạm biến áp phần thí nghiệm | 6.764.176 |
| III | CHI PHÍ THIẾT BỊ | 3.472.956.150 |
| 1 | Tuyến cáp ngầm trung thế- Phần cung cấp thiết bị | 547.693.960 |
| 2 | Tuyến cáp ngầm trung thế- Phần cung lắp đặt thiết bị | 10.882.738 |
| 3 | Tuyến cáp ngầm trung thế- Phần thí nghiệm | 15.819.162 |
| 4 | Trạm biến áp- Pphần cung cấp thiết bị | 2.818.016.872 |
| 5 | Trạm biến áp- Phần cung lắp đặt thiết bị | 35.046.952 |
| 6 | Trạm biến áp- Phần thí nghiệm thiết bị | 45.496.466 |
| IV | CHI PHÍ HẠNG MỤC CHUNG | 23.778.302 |
| V | GIẢM GIÁ PHẦN CHI PHÍ XÂY DỰNG (2,5%) | 19.815.252 |

| | | |
|----|--|---------------|
| VI | GIẢM GIÁ PHẦN CHI PHÍ THIẾT BỊ (1%) | 34.729.562 |
| | TỔNG CỘNG GIÁ HỢP ĐỒNG (I+II+III+IV-V-VI) | 4.234.799.703 |
| | LÀM TRÒN | 4.234.800.000 |

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là 50.000.000.000 đồng của đợt phát hành nêu trên dự kiến sử dụng như sau:

- 30.000.000.000 đồng để đầu tư cho dự án Khu dân cư thôn Cả Đông Côi, Thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh
- 20.000.000.000 đồng để chi trả các khoản nợ vay ngắn hạn các ngân hàng Agribank, Vietinbank và BIDV.

Theo Nghị quyết HĐQT số 05/NQ-HĐQT ngày 21/05/2019 thay thế cho nghị quyết số 2301-A/NQ-HĐQT ngày 23/01/2019 (*) về việc thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán, cụ thể như sau:

1. Đầu tư cho dự án Khu dân cư thôn Cả Đông Côi, Thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh 30.000.000.000 đồng, chi tiết như sau:

| Mục đích | Số tiền dự kiến (VNĐ) | Tiến độ sử dụng |
|--|-----------------------|-----------------|
| Đầu tư cho dự án Khu dân cư thôn Cả Đông Côi, Thị trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh. Trong đó: - <i>Trả tiền thi công gói thầu số 1:</i> Dự án “Thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thôn Cả Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh” cho Công ty THHH MTV xử lý bom, mìn vật nổ 319 | 30.000.000.000 | Tháng 8/2019 |
| Tổng cộng | 30.000.000.000 | |

(*): Nghị quyết số 2301-A/NQ-HĐQT ngày 23/01/2019 được ban hành cùng với nghị quyết số 2301-B/NQ-HĐQT ngày 23/01/2019 về việc thông qua hồ sơ phát hành. Hai nghị quyết trên được đính chính thay thế cho sai sót 02 nghị quyết cùng số 2301/NQ-HĐQT ngày 23/01/2019 được ban hành trước đó.

2. Trả khoản nợ gốc **20.000.000.000** đồng tại các ngân hàng thương mại như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

| STT | Ngân hàng | Số hợp đồng | Dư nợ gốc đến thời điểm ngày | Số tiền dư nợ (đồng) | Số tiền từ đợt phát hành dự kiến trả (đồng) | Dư nợ gốc còn lại |
|-----|---|--------------------------------|------------------------------|-----------------------|---|-----------------------|
| 1 | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đông | 01/2019/423 632/HĐTD | 20/05/2019 | 17.965.055.120 | 4.047.443.000 | 13.917.612.120 |
| 2 | Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Thành phố Hải Dương | 1930026/HĐ TD | 20/05/2019 | 28.480.218.596 | 7.228.363.990 | 21.251.854.606 |
| 3 | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương | 17.07/2018-HĐCVHM/NHCT340-1369 | 21/05/2019 | 19.787.414.201 | 8.724.193.010 | 11.063.221.191 |
| | | | | 66.232.687.917 | 20.000.000.000 | 46.232.687.917 |

Chi tiết phần trả nợ theo các kế ước nhận nợ của các hợp đồng tín dụng trên cụ thể như sau:

- Các kế ước được trả hoàn toàn nợ gốc của hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2019/423632/HĐTD tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đông:

| STT | Số kế ước | Ngày vay | Ngày đáo hạn | Ngày dự kiến trả | Số tiền vay gốc | Số tiền vay gốc đã trả | Số tiền vay gốc còn lại |
|-------------|-----------------|-----------|--------------|------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|
| 1 | 08/2019/4232632 | 17/4/2019 | 17/8/2019 | 17/8/2019 | 2.347.443.000 | 0 | 2.347.443.000 |
| 2 | 09/2019/4232632 | 25/4/2019 | 25/8/2019 | 25/8/2019 | 1.700.000.000 | 0 | 1.700.000.000 |
| Tổng | | | | | 4.047.443.000 | 0 | 4.047.443.000 |

- Các khế ước nhận nợ được trả hoàn toàn nợ gốc của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1930026/HĐTD tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh Thành phố Hải Dương:

| STT | Số khế ước | Ngày vay | Ngày đáo hạn | Ngày dự kiến trả | Số tiền vay gốc | Số tiền vay gốc đã trả | Số tiền vay gốc còn lại |
|-------------|------------|-----------|--------------|------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|
| 1 | 201900616 | 28/2/2019 | 25/8/2019 | 25/8/2019 | 800.000.000 | 0 | 800.000.000 |
| 2 | 201900512 | 19/2/2019 | 20/8/2019 | 20/8/2019 | 648.642.500 | 0 | 648.642.500 |
| 3 | 201900538 | 21/2/2019 | 25/8/2019 | 25/8/2019 | 2.848.693.490 | 0 | 2.848.693.490 |
| 4 | 201900945 | 02/4/2019 | 15/12/2019 | 15/12/2019 | 1.000.000.000 | 0 | 1.000.000.000 |
| 5 | 201901012 | 08/4/2019 | 10/12/2019 | 10/12/2019 | 1.055.000.000 | 0 | 1.055.000.000 |
| 6 | 201901190 | 24/4/2019 | 20/12/2019 | 20/12/2019 | 785.500.000 | 0 | 785.500.000 |
| 7 | 201902019 | 25/4/2019 | 25/12/2019 | 25/12/2019 | 150.528.000 | 0 | 150.528.000 |
| Tổng | | | | | 7.288.363.990 | 0 | 7.288.363.990 |

- Các khế ước nhận nợ được trả hoàn toàn nợ gốc của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 17.07/2018-HĐCVHM/NHCT340-1369 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương:

| STT | Số khế ước | Ngày vay | Ngày đáo hạn | Ngày dự kiến trả | Số tiền vay gốc | Số tiền vay gốc đã trả | Số tiền vay gốc còn lại |
|-------------|------------|-----------|--------------|------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|
| 1 | 30 | 7/3/2019 | 7/9/2019 | 7/9/2019 | 576.435.000 | 0 | 576.435.000 |
| 2 | 31 | 14/3/2019 | 14/9/2019 | 14/9/2019 | 1.123.006.500 | 0 | 1.123.006.500 |
| 3 | 32 | 15/3/2019 | 15/9/2019 | 15/9/2019 | 2.400.000.000 | 0 | 2.400.000.000 |
| 4 | 33 | 12/4/2019 | 12/10/2019 | 12/10/2019 | 1.830.601.000 | 0 | 1.830.601.000 |
| 5 | 34 | 24/4/2019 | 24/10/2019 | 24/10/2019 | 1.215.375.000 | 0 | 1.215.375.000 |
| 6 | 35 | 15/5/2019 | 14/11/2019 | 14/11/2019 | 1.683.259.500 | 0 | 1.683.259.500 |
| Tổng | | | | | 8.828.677.000 | 0 | 8.828.677.000 |

2. Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ vốn

Trong trường hợp đợt chào bán không thành công hoặc không thu đủ số tiền như dự kiến, HĐQT đã có kế hoạch huy động từ nhiều nguồn khác nhau như vay vốn thương mại, vay vốn tín dụng của ngân hàng....

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA

Địa điểm: Tầng 9, tòa nhà HL, ngõ 82 Phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 0243 7557 446

Fax: 0243 7557 448

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 52 Lạc Long Quân – Tây Hồ - Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3773 7070 / 6271 7171 Fax: (84-4) 3773 9058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 29 - 31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.2852 525

Fax: 08.9255 246

Chi nhánh tại TP Đà Nẵng

Địa chỉ: 100 Quang Trung - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 3553 666

Fax: 0511. 3553 888

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán ra công chúng của Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT (FPTS) tham gia lập và công bố trên cơ sở hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn số 56-2018/FPTS/FCF-HN/C69 được ký kết giữa hai bên.

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã tiến hành phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xây dựng 1369 cấp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

